



PROTRADE

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG
- CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	04
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	26
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	38
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	54
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	64
QUẢN TRỊ CÔNG TY	68
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	74



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY


**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tên tiếng anh : Binh Duong Producing and Trading Corporation
Tên viết tắt : Protrade Corp
Trụ sở chính : A128, Đường 3-2, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
 số 3700148166 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày
GCN đăng ký doanh nghiệp : 15/11/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/11/2018 (chuyển đổi từ Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV)

Số điện thoại : 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342

Số fax : 0274. 3755040

Website : www.protrade.com.vn

Email : info@protrade.com.vn

Logo :





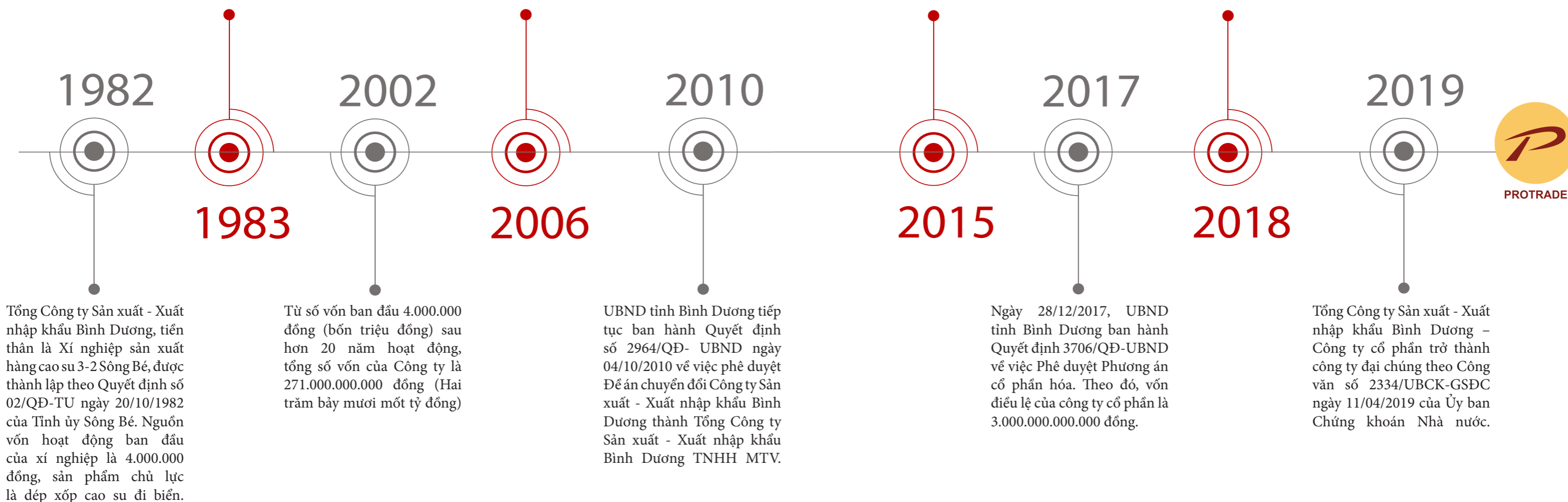
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty xây dựng xưởng nước đá cây, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày, đồng thời mở rộng ra các xưởng phụ trợ như xưởng cửa, xưởng đóng gói bao bì, xưởng cơ khí, xưởng quai dếp để chủ động sản xuất, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu và sử dụng ngoại tệ mạnh có được (đồng Rúp) đổi hàng đổi lưu gồm những mặt hàng chiến lược để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong tỉnh.

UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 134/QĐ/UBND ngày 22/05/2006 chuyển Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.

Ngày 18/12/2015, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3332/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV.

Ngày 26/10/2018, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP.
Ngày 01/11/2018, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần



Các giải thưởng tiêu biểu

Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã nhận được nhiều giải thưởng cũng như bằng khen của các cơ quan ban ngành như:

- Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984,
- Huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985,
- Huân chương Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban MTTQVN tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình Dương qua các năm;
- Ngoài ra còn có các bằng khen và cờ thi đua khác của các cấp.

Huân chương lao động hạng III



Huân chương lao động hạng I



Huân chương Anh hùng lao động



Công nương Maxima - Hoàng gia Hà Lan cùng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Ngoại thương, Phó bộ Kinh tế Hà Lan đến thăm Nhà máy Sữa Hà Nam



Tổng Công ty nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nhân dịp kỷ niệm 14 năm ngày tái thành lập tỉnh và Ngày doanh nghiệp Bình Dương

 **NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

Tổng Công ty hoạt động trên chủ yếu trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đầu tư sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Nhóm ngành nghề hoạt động kinh doanh bất động sản

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.



Nhóm ngành nghề hoạt động xây dựng (Khu công nghiệp)

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Nhóm ngành nghề hoạt động y tế, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Hoạt động y tế khác;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng;
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện.



Nhóm ngành nghề hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí (sân golf)

- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.



Nhóm ngành nghề sản xuất, chế biến thực phẩm

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

Nhóm ngành nghề vận tải, kho bãi

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Nhóm ngành nghề sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhân, bìa nhân, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.

Nhóm ngành nghề sản xuất trang phục

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.

Nhóm ngành nghề lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.



Nhóm ngành nghề bán buôn

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Nhóm ngành nghề sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.



Nhóm ngành nghề nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Nhân giống và chăm sóc cây giống nông nghiệp;

Nhóm ngành nghề khai thác khoáng; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất từ kim loại đúc sẵn

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.

Nhóm ngành nghề sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá.

Nhóm ngành nghề dịch vụ lưu trú

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Nhóm ngành nghề quảng cáo, nghiên cứu thị trường

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Nhóm cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính

- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Đại hội đồng Cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết.

Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát

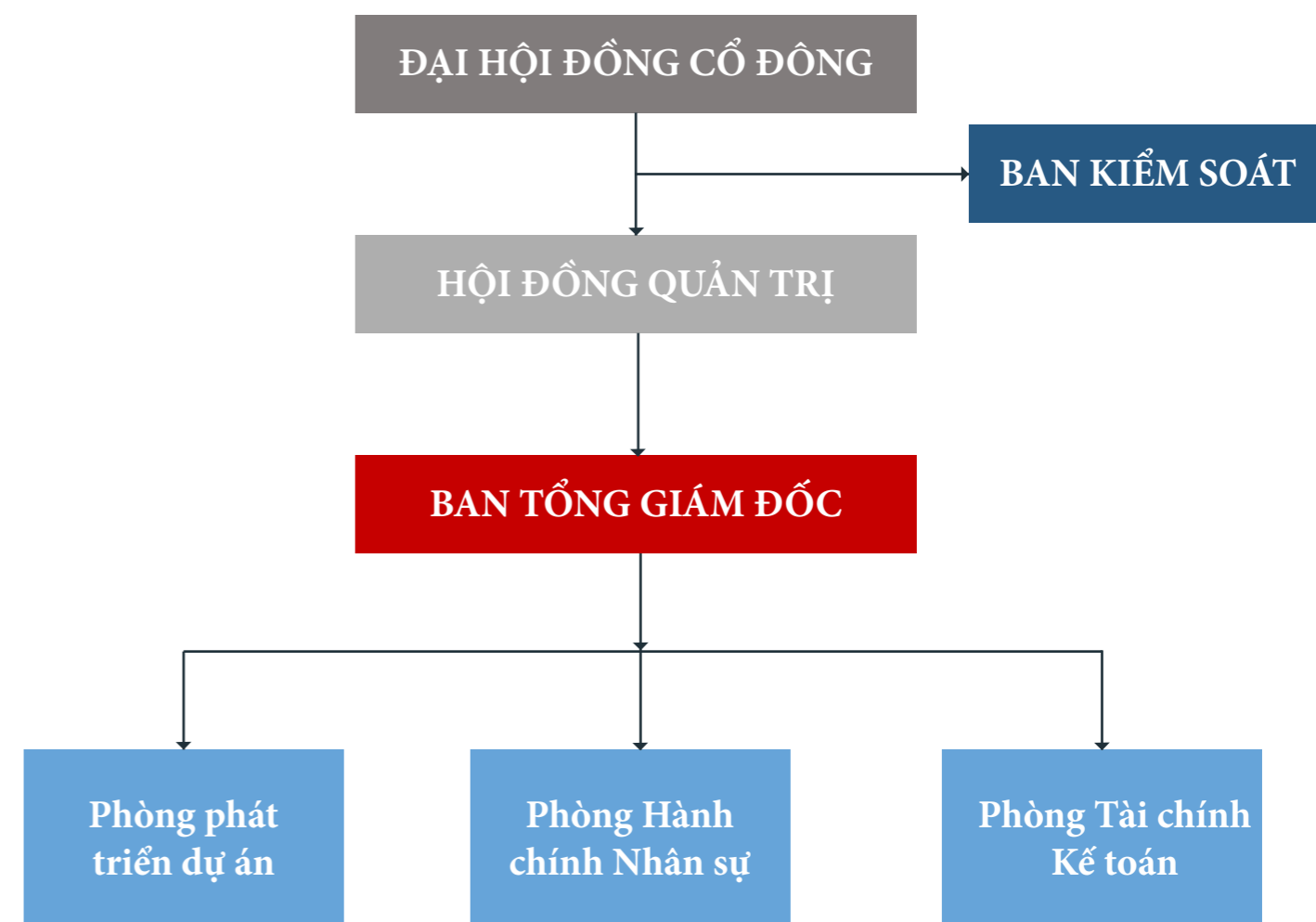
Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước cổ đông về công tác giám sát tình hình tài chính của công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.



Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty



Trong năm 2018, Tỉnh ủy Bình Dương chuyển giao 60,9758% phần vốn của Tỉnh ủy Bình Dương tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (tương ứng 182.927.400 cổ phần) cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tiếp nhận và quản lý.

CÔNG TY MẸ

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 75 Bạch Đằng, khu phố 6, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê

Vốn điều lệ thực góp tại PRT: 1.829.274.000.000 đồng tương ứng với 60,9758%/Vốn điều lệ

DANH SÁCH CÔNG TY CON

**CÔNG TY TNHH MTV GIẤY VĨNH PHÚ**

- Địa chỉ: Ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy...
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 100%/VĐL

**CÔNG TY TNHH SÂN GOLF PALM SÔNG BÈ**

- Địa chỉ: 77 đại lộ Bình Dương, Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 259.331.601.540 đồng (tương đương 12.408.210,6 Đô la Mỹ)
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 100%/VĐL

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP THUẬN AN**

- Địa chỉ: Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 9.950.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu các loại.
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 62,68/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 62,68/VĐL

**KP APPARELL MANUFACTURING CO.LTD**

- Địa chỉ: Vương quốc Campuchia
- Vốn điều lệ : 62.138.549.749 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh hàng may mặc.
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 100%/VĐL
- Tình hình hoạt động : Tổng công ty đang làm thủ tục giải thể Công ty TNHH KP Apparell Manufacturing có trụ sở tại Vương quốc Campuchia.

CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

- Địa chỉ: An Tây, TX. Bến Cát, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 621.240.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN..
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 100%/VĐL



DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU DẦU TIẾNG VIỆT LÀO**

- Địa chỉ: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào
- Vốn điều lệ : 700.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Trồng và chế biến mủ cao su
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 40%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 40%/VĐL

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ**

- Địa chỉ: P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 55.000.000 Đô la Mỹ
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 35%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 35%/VĐL

**CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM**

- Địa chỉ: KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 294.906.142.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 30%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 30%/VĐL

**CÔNG TY CP BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẠNH PHÚC**

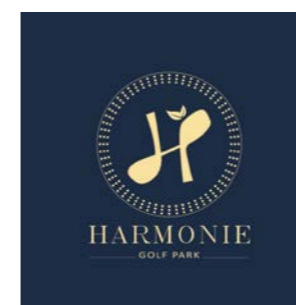
- Địa chỉ: Phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 1.224.794.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động lĩnh vực y tế...
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 24%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 24%/VĐL

**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG VƯƠNG**

- Địa chỉ: Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 30,9%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 30,9%/VĐL

**CÔNG TY TNHH YCH - PROTRADE**

- Địa chỉ: KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 162.071.250.000 đồng (tương đương 8.000.000 Đô la Mỹ)
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải, kho vận...
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 30%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 30%/VĐL

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN TÂN THÀNH**

- Địa chỉ: P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 480.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 34%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 34%/VĐL

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

- Địa chỉ: KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...
- Tỷ lệ sở hữu của Protrade: 48,89%/VĐL
- Tỷ lệ thực góp của Protrade: 48,89%/VĐL





Các mục tiêu và tầm nhìn chiến lược

- Trở thành một Tập đoàn đầu tư đa ngành nghề, đa lĩnh vực theo các thế mạnh sẵn có của Tổng Công ty.
- Khẳng định thương hiệu, mở rộng phát triển trên thị trường trong và ngoài nước.
- Đẩy mạnh phát triển, đổi mới công nghệ, lựa chọn phân khúc thị trường sản phẩm cao cấp, có giá trị cao, ít bị cạnh tranh, ứng dụng thường xuyên các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, trình độ chuyên môn, năng lực công tác.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chiến lược phát triển của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là tiếp tục kế thừa và đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã định hình và phát triển qua hơn 35 năm qua với 03 lĩnh vực ngành nghề chính có sự tương trợ lẫn nhau. Trong đó bám sát vào cơ cấu ngành dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp như sau:
- Lĩnh vực dịch vụ: Đầu tư tài chính, tập trung các ngành dịch vụ thể thao giải trí cao cấp; phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có giá trị vượt trội cho cộng đồng. Đầu tư kinh doanh khu dân cư, bất động sản. Phát triển dịch vụ logistics.
- Lĩnh vực công nghiệp: Tiếp tục phát triển kinh doanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển ngành sản xuất giấy, đồ gỗ gia dụng, may mặc theo hướng hiện đại hóa máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động và bảo vệ môi trường.
- Lĩnh vực nông nghiệp: Trồng cây công nghiệp, cây cao su, chế biến mủ cao su. Mục tiêu nhằm nghiên cứu triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp năng suất cao, hướng đến phát triển cộng đồng nông dân và nông thôn.
- Việc đầu tư tài chính trực tiếp và gián tiếp của Tổng công ty sẽ đóng vai trò chủ đạo để định hướng phát triển các ngành sản xuất. Tổng công ty hạn chế sở hữu tỷ lệ vốn 100% ở các công ty con. Thực hiện đầu tư vốn với vai trò sáng lập và định hướng, ưu tiên huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế để tạo nên sức mạnh tài chính và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư ở các ngành kinh doanh.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Tuân thủ nghiêm ngặt về yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và luật pháp Việt Nam.
- Công ty luôn quan tâm công tác chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để người lao động phát huy thế mạnh của bản thân góp phần vào sự thành công chung của Tổng công ty.
- Đảm bảo thực hiện tốt các quy định về an toàn vệ sinh lao động, xử lý chất thải trong sản xuất, giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) trong năm đạt 7,08%, vượt mức kế hoạch 6,7% được Quốc hội thông qua. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm kể từ năm 2008. Bên cạnh đó, Việt Nam dần trở thành đối tác thương mại đáng tin cậy trên thị trường quốc tế. Nhận của Tổng cục hải quan, trong năm 2018, Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước năm 2018 đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2% (tương ứng tăng 52,05 tỷ USD) so với năm trước. Trong đó, giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% và nhập khẩu đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1%. Tuy nhiên,

thương mại toàn cầu bắt đầu trở nên căng thẳng chính sách bảo hộ quốc gia phát triển trong thời gian qua, tiêu biểu là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Điều này đã tác động ít nhiều tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết.

Trước sự thay đổi liên tục của nền kinh tế thế giới và trong nước, Tổng Công ty luôn chủ động theo dõi, cập nhật thông tin vĩ mô, vi mô thường xuyên. Từ đó, Ban lãnh đạo đưa ra các biện pháp, chính sách phù hợp, kịp thời với từng tình hình cụ thể để duy trì và phát triển Công ty.

Rủi ro pháp luật

Tổng công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Trong đó, đại diện nhà nước vẫn chiếm quyền chi phối (sở hữu 61% vốn điều lệ). Do đó, vẫn còn tồn tại một khoảng cách nhất định trong việc quản lý doanh nghiệp cổ phần theo luật doanh nghiệp và theo quy định của doanh nghiệp có vốn chi phối của nhà nước làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động và ra quyết định của Tổng công ty.

Rủi ro chiến lược

Bên cạnh hoạt động cốt lõi của Tổng công ty trước và sau cổ phần hóa doanh nghiệp là đầu tư tài chính vào các ngành nghề đã có kinh nghiệm: dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thể thao giải trí cao cấp, may mặc, chế biến gỗ, chế biến giấy bao bì, cho thuê hạ tầng khu công nghiệp, Tổng công ty còn định hướng đầu tư sang lĩnh vực bất động sản sân golf. Đây là lĩnh vực đầu tư mới của Tổng công ty trong khi lĩnh vực này chưa thực sự sôi động tại Bình Dương và có nhiều rủi ro liên quan đến chính sách vĩ mô của Chính phủ. Do đó, ngay cả khi một chiến lược được hoạch định đúng cũng có rủi ro thất bại trong quá trình thực thi. Vì vậy, Tổng công ty đã rất thận trọng trong việc đánh giá, triển khai dự án cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn từ các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành để giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất có thể.



Rủi ro lãi suất

Những tháng đầu năm 2018, lãi suất cho vay không có nhiều biến động. Bắt đầu từ quý III lãi suất cho vay có xu hướng tăng mạnh và kéo theo việc làm tăng chi phí lãi vay trong cơ cấu hoạt động của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Đồng thời, Ngân hàng nhà nước Việt Nam cũng đưa ra dự báo lãi suất năm 2019 sẽ tiếp tục chịu áp lực tăng. Vì vậy, Tổng công ty luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ ở mức hợp lý nhằm hạn chế những tác động của lãi suất cho vay đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay, Tổng công ty chủ yếu sử dụng nợ vay ngắn hạn cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động với các mức lãi suất từ 7% - 9%/năm. Nhờ vào những chính sách điều hành linh hoạt, kịp thời của Ngân hàng Nhà nước, thị trường tiền tệ vẫn ổn định, nên biến động lãi suất ngắn hạn ảnh hưởng không nhiều đến chi phí lãi vay của doanh nghiệp. Tuy nhiên, với những dự báo gia tăng lãi suất từ Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong thời gian sắp tới, Tổng công ty đã đưa ra những phương án phòng ngừa rủi ro phù hợp với nhu cầu vay thực tế và diễn biến chung của thị trường lãi suất.



Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này ít có khi xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty.



Rủi ro đặc thù

Hoạt động cốt lõi của Tổng công ty là đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Do đó những rủi ro đến hoạt động của các công ty này cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty.

Rủi ro từ lĩnh vực kinh doanh dịch vụ sân golf

Thị trường bất động sản sân golf Việt Nam nói chung và Bình Dương nói riêng trong những năm gần đây được quan tâm đặc biệt. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Bình Dương đang có 5 sân golf đang cùng hoạt động trung khu vực tỉnh. Vì vậy, hoạt động kinh doanh dịch vụ sân golf của Tổng công ty cũng chịu áp lực cạnh tranh khá gay gắt từ các đối thủ khác như Sân golf Mê Kông (Tân Uyên, Bình Dương), Câu lạc bộ golf và khu nghỉ dưỡng đảo Hồ Diệp (Thủ Dầu Một, Bình Dương) được trang bị cơ sở vật chất hiện đại, đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng như với giá cả dịch vụ cạnh tranh.

**Rủi ro từ lĩnh vực kinh doanh bệnh viện**

Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc phải chịu các rủi ro phổ biến trong ngành y tế. Các bệnh viện phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ y tế và phẫu thuật. Điều này có thể ảnh hưởng đến giá cả dịch vụ cũng như khả năng cung cấp dịch vụ này. Hoạt động bệnh viện cũng có thể phát sinh các khoản lỗ do áp dụng các dịch vụ y tế và phẫu thuật mới hoặc các công nghệ chăm sóc sức khỏe tiên tiến. Thêm vào đó, các bệnh viện có thể chịu ảnh hưởng của các điều kiện và sự kiện như: nhu cầu dịch vụ, năng lực quản lý điều hành, nỗ lực của các công ty bảo hiểm nhằm hạn chế chi phí, các điều kiện kinh tế, biến động tỷ giá hối đoái, v.v. Hoạt động của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc cũng chịu áp lực cạnh tranh từ các bệnh viện công cũng như các bệnh viện và cơ sở y tế tư nhân khác.

Rủi ro từ lĩnh vực kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

- *Rủi ro cạnh tranh*

Trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các địa phương lân cận, ngày càng nhiều các khu công nghiệp được xây dựng thu hút các nhà đầu tư trong việc tìm địa điểm sản xuất kinh doanh, so sánh chi tiết giá thuê đất, hạ tầng kết nối và khả năng cung ứng nguồn nhân lực tại chỗ... tạo ra những thách thức trong việc tìm kiếm khách hàng hơn nhưng cũng là một động lực giúp Tổng công ty cải thiện cơ sở hạ tầng, nghiên cứu thị trường, tìm kiếm, kết nối với các đối tác phục vụ cho mục tiêu phát triển.

- *Rủi ro về pháp lý dự án*

Các thủ tục pháp lý và hành chính cho mỗi dự án là vấn đề mà các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản phải quan tâm. Công ty có thể gặp rủi ro không thực hiện được dự án theo đúng tiến độ hoặc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến

- *Rủi ro về đền bù giải pháp mặt bằng*

Trên thực tế nhu cầu về đất xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở ngày càng gia tăng trong khi quỹ đất lại rất hạn chế. Hiện nay, phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đang có người sử dụng, vì vậy công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định. Điều này gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án cũng như tác động trực tiếp đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư tài chính vào công ty con, công ty liên kết với 3 lĩnh vực chính có sự tương trợ lẫn nhau là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

- Nhóm ngành dịch vụ: Tổng công ty đang sở hữu 3 sân golf tại Bình Dương với tổng diện tích là 414 ha, bệnh viện phụ sản quốc tế Hạnh Phúc với 260 giường, Khu công nghiệp 500 ha với tỷ lệ thuê là 85% và CTCP YCH – Protrade chuyên cung cấp dịch vụ logistics.
- Nhóm ngành sản xuất: Thị trường xuất khẩu, Tổng công ty sở hữu 48,89% CTCP May mặc Bình Dương chuyên sản xuất áo sơ mi, quần jean, quần âu và sở hữu 30,9% CTCP Hưng Vượng chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% vào thị trường Mỹ, Châu Âu,... Tại thị trường nội địa, Tổng công ty sở hữu 30% trong liên doanh FrieslandCampina Việt Nam chuyên cung cấp sữa và các sản phẩm từ sữa và sở hữu 100% Công ty TNHH MTV Vĩnh Phú chuyên sản xuất bao bì và các sản phẩm từ giấy.
- Nhóm ngành nông nghiệp: công ty đầu tư vào trồng và chế biến mù cao su tại Lào thông qua Công ty cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào

Ngoài ba lĩnh vực kinh doanh chính, Tổng công ty cũng đầu tư vào CTCP Thương mại và Tổng hợp Thuận An kinh doanh xăng dầu tại thị xã Thuận An, Bình Dương,

Với kinh nghiệm hoạt động hơn 35 năm, Tổng Công ty sẽ tiếp tục củng cố bộ máy, triển khai phát triển bền vững các mảng kinh doanh hiện nay của, kịp thời nắm bắt các cơ hội của thị trường, đồng thời phát huy các lợi thế sẵn có.

Kể từ ngày 01/11/2018, Công ty chính thức chuyển từ hình thức Công ty TNHH MTV sang hình thức công ty cổ phần. Do đó, số liệu của báo cáo tài chính năm 2018 phản ánh giai đoạn trước và sau khi chuyển đổi loại hình công ty cổ phần, điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh không có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Đơn vị tính: Đồng

STT	Doanh thu thuần	01/01/2018 – 31/10/2018	01/11/2018- 31/12/2018
1	Bán thành phẩm, hàng hóa	695.183.931.689	135.508.814.287
2	Cung cấp dịch vụ	29.041.032.756	7.183.416.851
3	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	1.142.110.947.802	9.307.446.400
4	Kinh doanh bất động sản	489.034.695.147	-
5	Dịch vụ tại sân Golf	112.067.943.210	28.853.735.285
6	Khác	4.075.090.224	547.182.608
Tổng cộng		2.471.513.640.828	181.400.595.431

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018



Cơ cấu lợi nhuận gộp theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lợi nhuận gộp	01/01/2018 – 31/10/2018	01/11/2018 - 31/12/2018
1	Bán thành phẩm, hàng hóa	66.039.495.021	7.763.255.169
2	Cung cấp dịch vụ	1.227.336.570	2.610.507.812
3	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	571.176.739.233	2.246.590.243
4	Kinh doanh bất động sản	421.008.252.567	-
5	Dịch vụ tại sân Golf	26.479.204.386	1.790.659.133
6	Khác	4.075.090.224	547.182.608
Tổng cộng		1.090.006.118.001	14.958.194.965

Nguồn: PRT

Đóng góp phần lớn trong doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa trong hai tháng cuối năm 2018 của Tổng Công ty chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh xăng dầu và sản xuất giấy, bao bì của các công ty như CTCP Thương mại Tổng hợp Thuận An, Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú,...

Hiện nay, tuy hoạt động kinh doanh dịch vụ sân golf tuy chưa thực sự sôi động nhưng tiềm năng phát triển các hoạt động dịch vụ chất lượng cao tại Bình Dương còn rất lớn. Với định hướng đầu tư vào bất động sản sân golf, hiện nay Tổng Công ty đang đầu tư vào ba công ty cung cấp dịch vụ sân golf bao gồm: Công ty TNHH sản Golf Palm Sông Bé (sở hữu sân golf Sông Bé Golf Resort), CTCP Phát triển Phú Mỹ (sở hữu sân golf Twon Doves Golf Club) và CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành (sở hữu sân golf Harmonie Golf Park). Bên cạnh đó, nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng đối với dịch vụ này, Tổng Công ty đang triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án bất động sản trong sân golf như khách sạn tiêu chuẩn từ 4- 5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao cấp, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm quốc tế. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đầu tư vào Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade kinh doanh dịch vụ cho thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade. Khu công nghiệp Quốc tế Protrade có diện tích 500 ha, nằm trong tổng diện tích hơn 1.350 ha của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây, thị xã Bến Cát. Trong tương lai, Tổng Công ty sẽ tiếp tục đầu tư và mở rộng khu công nghiệp thêm 600 ha, nâng tổng diện tích toàn khu công nghiệp lên 1.100 ha.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Với định hướng mở rộng phát triển lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Golf, Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã quyết định mua lại không quá 20% cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành (chủ sở hữu của sân golf Tân Thành – Harmonie Golf Park). Sân Golf Tân Thành có quỹ đất là 145 ha, tọa lạc tại trung tâm Thành phố mới Bình Dương với mục tiêu dự án là kinh doanh sân Golf 18 lỗ tiêu chuẩn quốc tế (90 ha) và dự án bất động sản quanh sân Golf (55 ha). Hiện nay, Tổng công ty đã đàm phán mua lại 19% cổ phần với các cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, hợp đồng mua bán vốn dự kiến sẽ hoàn tất trong tháng 7/2019.




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tình hình tài chính Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/11/2018- 31/12/2018 (Kế hoạch)	01/11/2018- 31/12/2018 (Thực tế)	Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	34.405	16.947	49,26%
Tổng chi phí	12.184	41.242	338,49%
Lợi nhuận trước thuế	22.221	(24.295)	-
Lợi nhuận sau thuế	22.201	(24.295)	-

Nguồn: PRT

Do Tổng Công ty vừa chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần nên trong thời gian ngắn kể từ khi kết thúc giai đoạn cổ phần hóa, kết quả kinh doanh 2 tháng cuối năm 2018 không đạt hiệu quả như kỳ vọng. Theo đó, tổng doanh thu thực chỉ đạt 49,33% so với kế hoạch đặt ra tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Nguyên nhân doanh thu giảm vì mảng hoạt động kinh doanh về sản xuất nước đá và bán cây cảnh không phát sinh doanh thu như kế hoạch. Công ty đã tiến hành đóng cửa nhà máy nước đá Dĩ An sau khi đánh giá lại giá trị tài sản trong quá trình cổ phần hóa. Tổng chi phí cũng cao hơn 338,49% so với kế hoạch đạt 41.242 triệu đồng. Chi phí hoạt động tăng do khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade với giá trị 40 tỷ đồng dự kiến được hoàn nhập làm giảm chi phí vào thời điểm lập BCTC ngày 31/12/2018 đã không phát sinh như dự kiến vì Công ty Quốc tế Protrade đã kinh doanh có lãi đủ để bù đắp toàn bộ khoản lỗ lũy kế đến thời điểm 31/10/2018.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	01/11/2018- 31/12/2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,81
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,51
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	46,63
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	87,36
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,22
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,03
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13,60
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,81
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,44
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,23





TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 300.000.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 300.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng



Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	247	300.000.000	100%
-	Cổ đông nhà nước	1	182.927.400	60,98%
-	Cổ đông tổ chức	7	106.317.015	35,44%
-	Cổ đông cá nhân	239	10.755.585	3,59%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
-	Cá nhân	-	-	-
-	Tổ chức	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	247	300.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có





TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CHỦ SỞ HỮU

Quản lý nguồn nguyên liệu

Tổng công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy, đảm bảo chất lượng, an toàn với môi trường sống và cộng đồng dân cư. Vì vậy, nguồn nguyên liệu đầu vào của Tổng công ty đều được cung cấp bởi các doanh nghiệp có uy tín và được kiểm soát về chất lượng.



Tiêu thụ năng lượng

Điện năng đóng vai trò phục vụ nhu cầu sản xuất không phải là vô tận. Quản lý tốt việc tiêu thụ điện năng sẽ góp phần giảm chi phí, bảo vệ môi trường. Vì vậy, Tổng Công ty luôn có những biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng điện bằng nhiều biện pháp như:

- Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ về việc sử dụng điện trong công ty, nhằm đảm bảo việc tiết kiệm điện trở thành thói quen và văn hóa công ty.
- Thực hiện tiết kiệm điện, tắt đèn, máy lạnh, quạt khi không sử dụng.
- Tắt nguồn các thiết bị điện khi không có người làm việc
- Nhằm giảm sự thất thoát nhiệt khi bật điều hòa, phòng phải luôn đóng kín cửa.
- Thay thế các thiết bị điện cũ, cải tiến hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn tiết kiệm nhiên liệu.



Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

- Nhận thức được, bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cả cộng đồng, Tổng Công ty luôn chú trọng về vấn đề bảo vệ và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong năm qua, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị xử lý về vi phạm quy định về môi trường.
- Tổng Công ty phối hợp với Công đoàn Tổng Công ty thực hiện tuyên truyền, triển khai chương trình Giờ Trái Đất, thực hiện chính sách tiết kiệm điện, nước đến người lao động, cán bộ công nhân viên.



Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng người lao động đang làm việc tại công ty 111 người với mức thu nhập trung bình là 20.416.759 đồng/người/tháng.
- Các chính sách về lương thưởng, phúc lợi người lao động nhận được đều quy định rõ ràng. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đang dần hoàn thiện quy chế lương thưởng các vị trí công việc được chuẩn hóa, sự phân công công việc cho người lao động được cụ thể, rõ ràng; tiền lương được trả theo vị trí công việc, theo năng lực, hiệu quả lao động của từng cá nhân.
- Chính sách lao động nhằm về sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động đều được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Tổng Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Tổng Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức tốt việc thăm hỏi cán bộ nhân viên ốm đau, hiếu hỉ, tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao.
- Hoạt động đào tạo người lao động luôn được chú trọng. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhân viên thông qua các buổi chia sẻ, hội thảo chuyên ngành. Đồng thời, Tổng Công ty cũng khuyến khích người lao động tự tìm tòi, nghiên cứu nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty cũng chung tay đóng góp sức mạnh vào sự phát triển tại địa phương. Tổng Công ty góp phần tạo công ăn việc làm, giúp giải quyết vấn đề việc làm tại địa phương; tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế, và nộp thuế đúng thời gian theo quy định. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn trích một phần lợi nhuận nhằm hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trao học bổng cho học sinh giỏi hiếu học, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương,...





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN MINH

Chủ tịch HĐQT



Ông TRẦN NGUYỄN VŨ

Thành viên HĐQT



Ông LÝ THANH CHÂU

Thành viên HĐQT



Ông VÕ HỒNG CƯỜNG

Thành viên HĐQT



Ông NGUYỄN VĂN THIÊN

Thành viên HĐQT



Ông MAI HỮU TÍN

Thành viên HĐQT



Ông LÊ TRỌNG NGHĨA

Thành viên HĐQT độc lập



Ông HUỖNH THANH HẢI

Thành viên HĐQT



Ông ĐINH CÔNG HOÀNG

Thành viên HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRẦN NGUYỄN VŨ

Tổng Giám đốc



Ông LÝ THANH CHÂU

Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN MAI KHÁNH TRINH

Giám đốc Tài chính



Ông NGUYỄN HỒNG ANH

Giám đốc Hành chính - Nhân sự



Ông HUỖNH HỮU HÙNG

Giám đốc Phát triển dự án



Bà ĐỖ THỊ THANH THÚY

Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Ông NGUYỄN THẾ SỰ

Trưởng Ban kiểm soát



Ông PHAN NGỌC HANH

Thành viên Ban kiểm soát



Ông NGUYỄN THANH XUÂN

Thành viên Ban kiểm soát



ÔNG NGUYỄN VĂN MINH

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 20/08/1955

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: A128/1 Đường 3-2, KP Đông Tư, phường Lái

Thiêu, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 CP

Quá trình công tác

1976 - 1981 Nhân viên, Trưởng phòng vật tư Xí nghiệp Quốc doanh chăn nuôi 2/9

1982 - 11/2018 Giám đốc, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương TNHH MTV

11/2018 - nay Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hưng Vượng

Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé

Thành viên HĐQT CTCP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào

Thành viên HĐQT CTCP Phát Triển Phú Mỹ

Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Tân Thành



ÔNG TRẦN NGUYỄN VŨ

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 19/01/1977

Nơi sinh: Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Số 4/19/2A, Đường số 3, Khu phố 5, p. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 6.900 CP

Quá trình công tác

1999 - 2000 Kế toán trưởng, Xí nghiệp Giấy Vinh Phú

2001 - 2011 Đảm nhiệm nhiều chức vụ. Chức vụ cao nhất: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

2011 - 2017 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD kiêm Giám đốc tài chính

2017 - 11/2018 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty SX - XNK Bình Dương

11/2018 - nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT CTCP May mặc Bình Dương

Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade

Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Tân Thành

Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé

Thành viên HĐQT CTCP Thương mại Thuận An

Thành viên HĐQT CTCP Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc



ÔNG LÝ THANH CHÂU

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 26/02/1982

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: C92A, khu phố Bình Đức 1, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 5.200 CP

Quá trình công tác

- 2004 - 2006 Nhân viên phòng Tài chính - kế toán Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương TNHH MTV
- 2006 - 2008 Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp và Dịch vụ Bình Dương
- 2008 - 2014 Kế toán trưởng Công ty TNHH Ascendas - Protrade (nay là Công ty TNHH MVT Quốc tế Protrade)
- 2014 - 11/2018 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - TNHH MTV
- 11/2018 đến nay Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Chủ tịch điều hành Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé



ÔNG VÕ HỒNG CƯỜNG

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 02/09/1965

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 679, tổ 84, Nguyễn Tri Phương, khu 9. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 CP

Quá trình công tác

- 1986 - 2004 Giám đốc Xí nghiệp Chế biến gỗ 3/2
- 2004 - 11/2018 Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hưng Vượng
- 11/2018 - nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hưng Vượng
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May mặc Bình Dương
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH sân golf Palm Sông Bé
- Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát Triển Tân Thành



ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 31/12/1957

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 72/3, KP1, P.Tân Định, Tx. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 1.500.000 CP

Quá trình công tác

- 1976 - 1977 Công nhân khảo sát địa hình Sở Thủy lợi Sông Bé
- 1977 - 1979 Sinh viên Trường Trung học Thủy lợi 3 Mỹ Tho - Tiền Giang
- 1979 - 1990 Phó Trưởng phòng Phòng Nông Lâm Thủy Lợi Tx. Thủ Dầu Một
- 1990 - 1996 Phó Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước Nhà ở và Công trình công cộng
- 1996 - 2003 Giám đốc Công ty Cấp nước Sông Bé
- 2003 - 2016 Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương
- 2016 - 11/2018 Chủ tịch HĐQT, CTCP Nước - Môi trường Bình Dương
- 11/2018 - nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương



ÔNG MAI HỮU TÍN

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 27/08/1969

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 254/2 Thích Quảng Đức, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 CP

Quá trình công tác

- 12/1988 - 08/1992 Phiên dịch Tiếng Anh Liên hiệp Cty XNK Sông Bé
- 08/1992 - 11/1992 Giám đốc Điều hành Công ty May sông Bé
- 12/1992 - 05/1993 Đại diện Thương Mại VPĐD Công ty Nidera
- 06/1993 - 09/1994 Giám đốc Điều hành Công ty Phi Long
- 10/1994 - 08/1995 Giám đốc Điều hành Công ty CP Hoàng Gia
- 09/1995 - 08/1998 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH TOA
- 09/1998 - nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư U&I
- 11/2018 - nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư U&I

**ÔNG HUỖNH THANH HẢI**

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 1964

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 16/1, Khu phố Đông Nhì, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 6.800 CP

Quá trình công tác

1982 – 1992	Giám sát các công trình xây dựng của Xí nghiệp sản xuất hàng cao su 3-2
1993 – 1995	Phó giám đốc, Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé
1996 – 11/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - TNHH MTV
11/2018 - nay	Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP
2015 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - TNHH MTV
 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương
 Thành viên HĐQT, Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
 Phó Chủ tịch HĐQT, CTCP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào
 Thành viên HĐQT, CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành

**ÔNG ĐINH CÔNG HOÀNG**

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 1967

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 61 Trần Quốc Thảo, P.7, Q.3, Tp.HCM

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 CP

Quá trình công tác

2006 – 2010	Phó Giám đốc, Công ty Xuân Việt
2010 – 2018	Giám đốc, Phó TGD Công ty Hiệp Phước
11/2018 - nay	Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Phó TGD, Công ty CP XNK Tổng hợp 1
 Trợ lý Chủ tịch, Capella Group

**ÔNG LÊ TRỌNG NGHĨA**

Thành viên HĐQT độc lập

Ngày sinh: 27/09/1990

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 266/16 Đại Lộ Bình Dương, Tổ 3, Khu 2, p. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 CP

Quá trình công tác

06/2013 – 11/2015	Nhân viên phòng tài chính – kế toán Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương TNHH MTV
12/2015 – 11/2017	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành
12/2017 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành
11/2018 - nay	Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành

**ÔNG NGUYỄN MAI KHÁNH TRÌNH**

Giám đốc Tài chính

Ngày sinh: 02/07/1984

Nơi sinh: Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Đường Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, Tp. HCM

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 5.200 CP

Quá trình công tác

2006 – 2008	Trợ lý kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán RSM Việt Nam
2008 – 2013	Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
2013 – 2014	Phó phòng Kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Vaco
2014 – 2015	Trưởng bộ phận Doanh thu Công ty cổ phần Hàng không Vietjet
2015 – 11/2018	Chuyên viên phòng TC-KT Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương –TNHH MTV
11/2018 - nay	Giám đốc tài chính Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Không có

**ÔNG NGUYỄN HỒNG ANH**

Giám đốc hành chính - Nhân sự

Ngày sinh: 06/06/1968

Nơi sinh: Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: Đường 3/2, KP. Đông Tư, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 5.000 CP

Quá trình công tác

2004 – 2006	Trưởng phòng NS – HC Công ty may mặc Bình Dương
2006 – 2016	Giám đốc NS – HC Công ty may mặc Bình Dương
2016 – 11/2018	Giám đốc NS – HC Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV
11/2018 - nay	Giám đốc NS – HC Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Thuận An

**ÔNG HUỲNH HỮU HÙNG**

Giám đốc Phát triển dự án

Ngày sinh: 27/3/1979

Nơi sinh: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: Đường Đỗ Nhuận, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, Tp. HCM

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 5.600 CP

Quá trình công tác

2002 – 2004	Cán bộ kỹ thuật, Công ty Vận tải và Xây dựng Công trình giao thông
2004 – 2011	Phó phòng QLDA, CTCP Tư vấn thiết kế và Xây dựng CIDECO
2011 – 11/2018	Phó Giám đốc Ban đầu tư QLDA, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương
11/2018 - nay	Giám đốc Phát triển dự án, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP

**BÀ ĐỖ THỊ THANH THÚY**

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 05/11/1985

Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 3, Khu phố 9, P. Phú Hòa, TP. TDM, Bình Dương.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 6.100 CP

Quá trình công tác

2005 – 2017	Nhân viên phòng TC-KT Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương
2017 – 11/2018	Kế toán trưởng Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - TNHH MTV
11/2018 - nay	Kế toán trưởng Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương - CTCP

Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác

Trưởng BKS Công ty cổ phần Thương mại Thuận An

**ÔNG NGUYỄN THẾ SỰ**

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 1978

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 10/B Khu tập thể Công ty SX-XNK Bình Dương, Khu phố Đồng Tư, Phường Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 6.700 CP

Quá trình công tác

2000 – 2006	Nhân viên phòng TC-KT, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV
2000 – 2006	Kế toán trưởng, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV
2010 – 11/2018	Kiểm soát viên, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV
11/2018 - nay	Trưởng ban kiểm soát Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP

**ÔNG NGUYỄN THANH XUÂN**

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 1982

Nơi sinh: Đồng Tháp

Địa chỉ thường trú: 02 Lô A2 cư xá 307, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 CP

Quá trình công tác

2004 – 2006	Nhân viên kinh doanh, Công ty TNHH TM Việt Đức
2006 – 2007	Nhân viên kế toán, Công ty TNHH điện lạnh Mạnh Hùng
2007 – 2008	Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Đại Tấn Phát
2008 – 2009	Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Ngô Gia Phát
2010 – 2011	Kế toán tổng hợp, CTCP Tập Đoàn Mắt kính Ánh Rạng
2011 – 2017	Kế toán tổng hợp, CTCP Sam Holdings
2017 – nay	Kế toán trưởng, CTCP Sam Holdings
11/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP

**ÔNG PHAN NGỌC HANH**

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 1979

Nơi sinh: Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: Số 4/19/2A, Đường số 3, Khu phố 5, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 CP

Quá trình công tác

2015 – nay	Kế toán trưởng, CTCP Hưng Vượng
11/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP

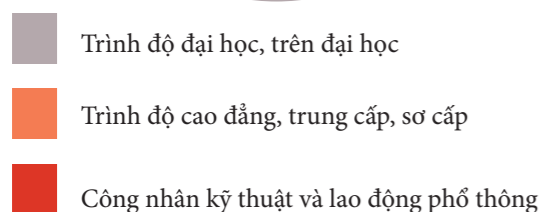
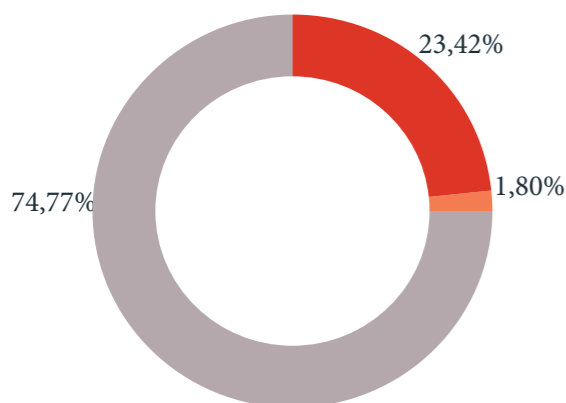
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ công nhân viên

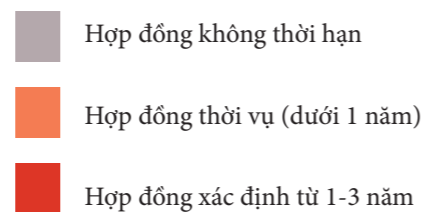
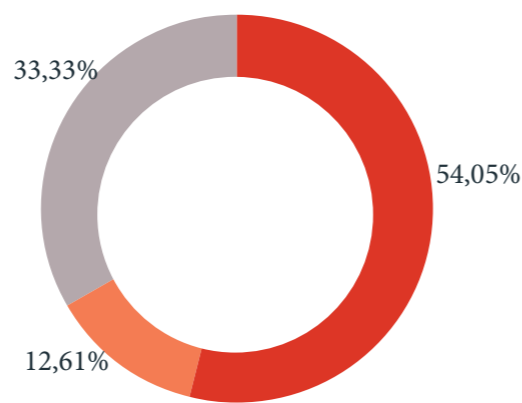
Tính đến ngày 30/6/2019

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	111	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	26	23,42%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	2	1,80%
4	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	83	74,77%
II	Theo loại hợp đồng lao động	111	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	60	54,05%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	14	12,61%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	37	33,33%
III	Theo giới tính	111	100,00%
1	Nam	45	40,54%
2	Nữ	66	59,46%

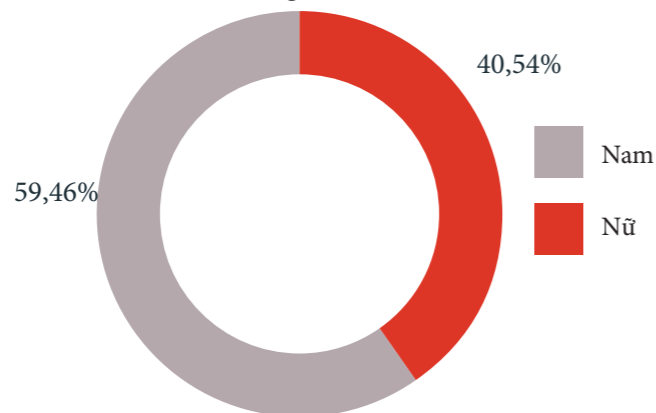
Theo trình độ lao động



Theo loại hợp đồng lao động



Theo giới tính



Thu nhập bình quân

Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
T11-T12/2018	111	20.416.759

Về tuyển dụng

Nguồn nhân lực là một nguồn lực quan trọng đối với doanh nghiệp. Vì vậy, công tác tuyển dụng được xem là bước khởi đầu, tạo nền tảng, chọn những nhân lực ưu tú phù hợp với công ty nhằm đóng góp vào sự thành công và phát triển của doanh nghiệp. Bộ phận Nhân sự của công ty chịu trách nhiệm tìm kiếm những ứng viên chất lượng, phù hợp và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Về đào tạo

Đào tạo là một nhiệm vụ trọng tâm nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có chất lượng, có kiến thức, kỹ năng và tư duy. Cán bộ nhân viên ngay khi gia nhập Tổng công ty đều được tham dự chương trình đào tạo bắt buộc, tiếp đó được đào tạo trong công việc bởi cán bộ quản lý. Trong quá trình làm việc, cán bộ nhân viên còn được tham dự các khóa học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Tổng công ty luôn có cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên; trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Tổng công ty còn xây dựng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc trong công tác và duy trì các chính sách phúc lợi khác nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Công tác an toàn vệ sinh lao động cũng được thực hiện tốt, đảm bảo cho người lao động được làm việc trong môi trường tốt nhất, được bảo vệ về sức khỏe như trang bị quần áo bảo hộ lao động, phương tiện bảo vệ cá nhân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, cán bộ công nhân viên.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ

XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, cụ thể vào tháng 10/2018, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) hạ dự báo tốc độ tăng trưởng toàn cầu xuống còn 3,7% cho cả năm 2018. Căng thẳng trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động tiêu cực đến giá cả hàng hóa, kiểm soát xuất nhập khẩu khắt khe hơn của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Ở trong nước, kế thừa những kết quả thuận lợi trong năm 2017, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng kinh tế đạt 7,08%, vượt mục tiêu 6,7% do Quốc hội đặt ra, đây cũng là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008. Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng khá. GDP theo giá hiện hành năm 2018 đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần quy mô GDP năm 2011. GDP bình quân đầu người năm 2018 ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ.

Năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%.

Năm 2018 cũng là năm Tổng công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thực hiện chuyển đổi từ loại hình Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần. Việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sẽ mang lại những thay đổi tích cực, tạo động lực mới cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Cơ cấu cổ đông đa dạng hơn tạo điều kiện cho nhiều nhà đầu tư được tham gia cống hiến, xây dựng Tổng công ty. Tuy nhiên, trong thời gian 2 tháng kể từ khi kết thúc giai đoạn cổ phần hóa đến hết năm tài khóa 2018, Tổng công ty tập trung tiến hành sắp xếp lại nhân sự, thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, đánh giá hiệu quả kinh doanh của các khoản đầu tư trong toàn hệ thống. Vì vậy, phần lớn các chỉ tiêu doanh thu không đạt so với kế hoạch đặt ra tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 26/10/2018 vì giá trị hàng sản xuất tại các nhà máy không đạt.

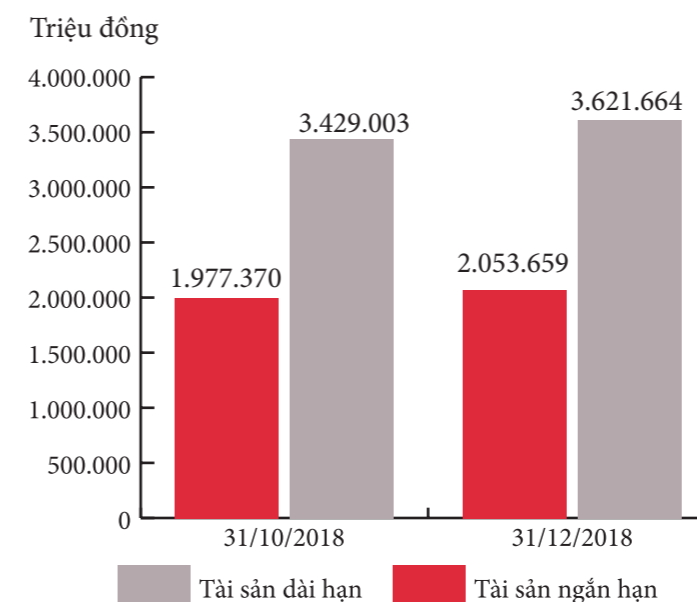


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/10/2018		31/12/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	1.977.370	36,47%	2.053.659	36,19%
Tài sản dài hạn	3.444.317	63,53%	3.621.664	63,81%
Tổng tài sản	5.421.687	100%	5.675.323	100%



Cơ cấu tài sản của Công ty trong kỳ kế toán đầu tiên từ ngày 31/10 đến 31/12/2018 không có nhiều sự thay đổi. Cụ thể, tại thời điểm 31/12/2018, tài sản dài hạn đạt 3.621.664 triệu đồng chiếm tỷ trọng cao nhất 63,81%, còn lại là tài sản ngắn hạn. Tài sản dài hạn của Công ty tại ngày 31/12/2018 chủ yếu đến từ khoản mục đầu tư tài chính dài hạn trị giá 1.417.693 triệu đồng tăng 19,14% so với đầu kỳ.

Bên cạnh đó, động lực khiến tài sản ngắn hạn đạt 2.053.659 triệu đồng, tăng 3,86% so với đầu kỳ, phần lớn đến từ các khoản phải trả trước cho người bán tăng 402.363 triệu đồng và hàng tồn kho tăng 36.152 triệu đồng.

Tình hình tài sản cố định hữu hình và tài sản vô hình tại ngày 31/12/2018

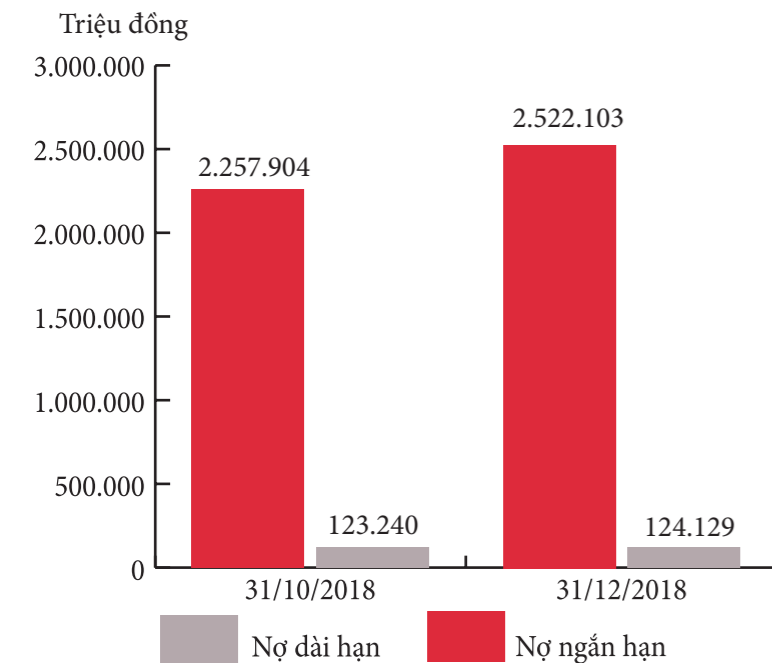
Đơn vị tính: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	741.032.672.952	382.591.093.866	51,63%
Máy móc thiết bị	104.233.556.851	43.810.153.982	42,03%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	68.291.023.070	34.348.165.883	50,30%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.349.089.394	259.011.121	19,20%
TSCĐ khác	17.721.427.520	2.460.788.579	13,89%
Vườn cây lâu năm	332.337.684	15.668.334	4,71%
Cộng	932.960.107.471	463.484.881.765	49,68%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	582.514.858.131	552.647.571.227	94,87%
Phần mềm kế toán	3.214.034.009	1.190.049.301	37,03%
Cộng	585.728.892.140	553.837.620.528	94,56%

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/10/2018		31/12/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	2.257.904	94,82%	2.522.103	95,31%
Nợ dài hạn	123.240	5,18%	124.129	4,69%
Tổng nợ phải trả	2.381.144	100%	2.646.232	100%



Cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn. Khoản mục nợ ngắn hạn đạt 2.522.103, tăng 11,70% so với đầu kỳ, chiếm 95,31% tổng nợ phải trả. Nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu đến từ nợ vay ngắn hạn có trị giá 848.800 triệu đồng và các khoản phải trả, phải nộp khác 1.155.263 triệu đồng.

Mặt khác, nợ dài hạn đạt 124.129 triệu đồng, tăng 0,71% so với đầu kỳ do khoản mục phải trả dài hạn khác tăng 628 triệu đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tăng 648 triệu đồng. Nợ dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ khoản mục phải trả dài hạn khác trị giá 64.416 triệu đồng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quy chế quản lý nội bộ

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tính công khai, minh bạch, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá nhân viên theo định kỳ.
- Xây dựng quy chế tuyển dụng lao động, bảng mô tả công việc theo từng chức danh và chuẩn hóa hệ thống các mẫu biểu sử dụng trong công ty.
- Xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp đối với Tổng Công ty.

Đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng chiến lược dài hạn phát triển nguồn nhân lực.
- Tổ chức đào tạo chuyên môn các kỹ năng về quản trị doanh nghiệp, quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, quản lý dự án đầu tư.

Áp dụng công nghệ mới vào quản trị nội bộ

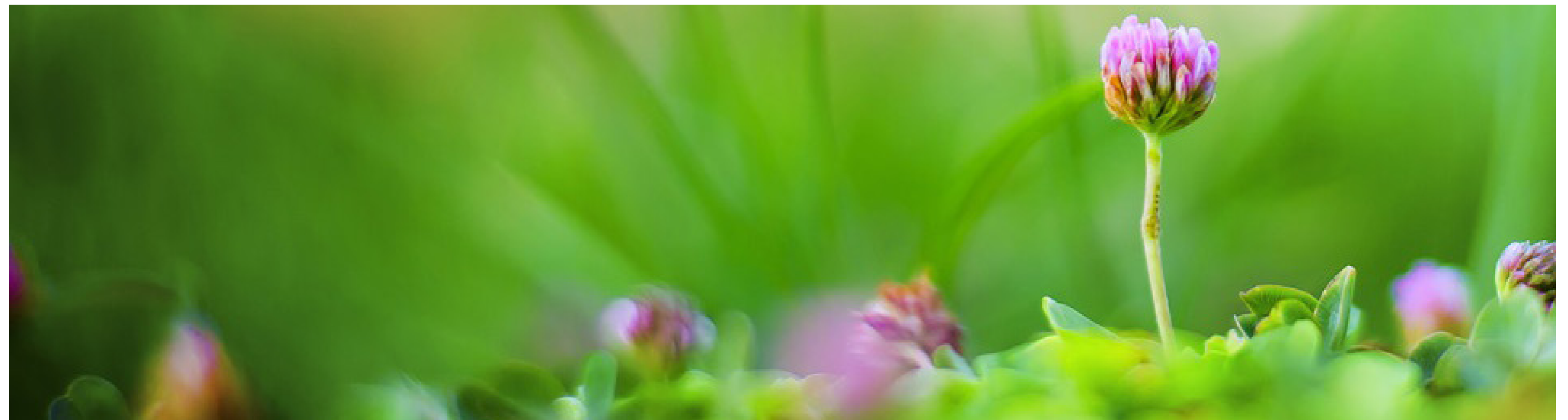
- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý công việc trong Tổng Công ty.
- Nâng cấp và cập nhật thường xuyên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Quản lý và sử dụng đất đai

- Quy hoạch tổng thể và chi tiết các dự án đầu tư gắn liền với quy hoạch sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển Tổng Công ty, ưu tiên quy hoạch phát triển các ngành nghề kinh doanh chính và có hiệu quả.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để nhanh chóng đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt chú trọng tới các dự án có lợi thế về địa lý và môi trường kinh doanh.

Quản trị tài chính

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.
- Rà soát định kỳ các định mức chi phí, chú trọng tiết kiệm chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người lao động.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty mẹ và hợp nhất

STT	Lĩnh vực hoạt động	ĐVT	Năm 2019
Công ty mẹ			
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	3.000.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	434.630
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	249.889
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	184.741
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	184.616
Hợp nhất			
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	3.000.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.513.000
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.277.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	236.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	230.000
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	5%

Kế hoạch đầu tư:

Dự kiến trong năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

- Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade

Tiếp tục thực hiện dự án mở rộng khu công nghiệp thêm 600 ha, nâng tổng diện tích toàn khu công nghiệp lên 1.100 ha và dự án khu thương mại dịch vụ nằm trong dự án Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ An Tây.

- Công Ty TNHH Một Thành Viên Giấy Vĩnh Phú

Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới được nhập chủ yếu từ Châu Âu và Đài Loan.

- Công Ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao tay nghề công nhân nhằm mở rộng thị trường sang Nhật Bản, các nước Châu Âu.

- Công Ty TNHH YCH – Protrade

Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 với diện tích 2,9 ha kho hỗn hợp, bao gồm kho lạnh và kho thông thường (Nhà kho hiện hữu đã cho thuê và vận hành trên 70% giai đoạn 1 với diện tích khoảng 4 ha). Đầu tư thêm phương tiện vận tải để vận chuyển các sản phẩm và nguyên liệu cho khách hàng.

Biện pháp triển khai thực hiện:

Để đạt được kế hoạch kinh doanh, Tổng Công ty cần phải kiện toàn bộ máy tổ chức, đầu tư cho nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, sử dụng vốn và quản lý tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Cụ thể:

- Đối với các công ty thuộc lĩnh vực cung cấp dịch vụ:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất, kinh doanh.
- Tăng cường tổ chức các đợt xúc tiến đầu tư ở các quốc gia như Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu... để kêu gọi các doanh nghiệp đầu ngành có các tiêu chí xanh-sạch, phù hợp với định hướng của Công ty đầu tư vào khu công nghiệp.
- Tăng cường đầu tư các khu đất dịch vụ và thương mại, tiện ích: như nhà xưởng xây sẵn, văn phòng cho thuê, khu thương mại và nhà ở công nhân nhằm hỗ trợ và mang lại nhiều hơn giá trị gia tăng cho nhà đầu tư.

- Đối với các công ty thuộc lĩnh vực sản xuất:

- Giữ vững thị phần hiện hữu, nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm mang lại giá trị gia tăng cho người sử dụng.
- Đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu ngày càng cao của thị trường xuất khẩu và trong nước.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Sự phát triển của các ngành công nghiệp là một trong những nguyên nhân chính gây ra sự thay đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, nước và đất, vấn đề sức khỏe, và hệ sinh thái. Nhận thức được điều đó, Tổng công ty đã đưa vấn đề bảo vệ môi trường là trách nhiệm, là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bước đầu, Tổng công ty đã chú trọng đẩy mạnh việc tuyên truyền đến từng cán bộ công nhân viên, người lao động tại công ty, tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường, dần thay đổi các thiết bị tiết kiệm điện năng trong doanh nghiệp, mang đến cho người tiêu dùng nhiều hơn nữa các sản phẩm thân thiện với môi trường, v.v..



- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tổng công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, được cống hiến và học hỏi, sáng tạo. Chính sách lương thưởng phù hợp với năng suất và hiệu quả lao động của người lao động và đảm bảo các chính sách phúc lợi theo quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty.

Đồng thời, Tổng công ty cũng phối hợp với Công đoàn nhằm chăm sóc đời sống tinh thần cho người lao động.

- Tổ chức thăm hỏi cán bộ nhân viên ốm đau, hiếu hỉ
- Trao tặng học bổng cho các con em cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn
- Giám sát phục vụ chất lượng bữa ăn cho người lao động, thay đổi thực đơn hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng phục vụ, cải thiện suất ăn cho người lao động.
- Tổ chức thi đua thể thao văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn
- Tổ chức du lịch nghỉ dưỡng định kỳ mỗi năm.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2018, tiếp tục phát huy truyền thống tương thân tương ái của Tổng công ty thông qua các hoạt động đóng góp cho cộng đồng tại địa phương như

- Duy trì các hoạt động tài trợ quỹ học bổng, quỹ khuyến học, giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh.
- Phối hợp với Công đoàn tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội, từ thiện, tình nghĩa, thực hiện tốt tinh thần lá lành đùm lá rách.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2018 thực hiện

Đây cũng là năm đầu tiên Tổng công ty hoạt động theo loại hình công ty cổ phần sau giai đoạn cổ phần hóa và bước đầu ổn định hoạt động kinh doanh. Trong thời gian 2 tháng cuối năm 2018, Tổng Công ty đã tập trung hoạch định những chính sách và chiến lược phát triển trung, dài hạn của công ty, đánh giá các dự án chiến lược và phát triển của công ty bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, tiến tới hoàn thành kế hoạch đề ra năm 2019. Tổng Công ty sẽ tiếp tục phát huy những lợi thế về thương hiệu và uy tín đã gây dựng được sau nhiều năm hoạt động tại địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và các tỉnh miền Đông Nam Bộ nói chung, đồng thời, liên tục đổi mới để phát triển, đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm mang lại những dịch vụ, sản phẩm tốt nhất đến tay người tiêu dùng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Kết quả hoạt động giám sát với Tổng Giám đốc

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các buổi họp giao ban định kỳ luôn được duy trì; quản lý và điều hành công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị đã giao quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều lệ của Công ty và những quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát công tác điều hành thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo trực tiếp tại các buổi họp của Hội đồng quản trị.
- Đánh giá chung: Để đạt được hiệu quả trên là do sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Việc chỉ đạo, điều hành được đảm bảo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, HĐQT sẽ đôn đốc Ban điều hành Tổng công ty xây dựng các quy chế quản trị nội bộ công ty, ổn định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty.



- Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động.



- Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Tổng công ty trên thị trường, các nhà đầu tư và công chúng.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư, tiết kiệm chi phí... nhằm đạt hiệu quả cao nhất.



- Chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý.

- Đề ra các giải pháp hiệu quả để quản lý chi phí và quản trị rủi ro.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.



Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 15/07/2019)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	0	0% VĐL	
2	Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT	0	0% VĐL	
3	Huỳnh Thanh Hải	Thành viên HĐQT	6.800	0,0023%/VĐL	Từ nhiệm từ ngày 10/06/2019
4	Trần Nguyên Vũ	Thành viên HĐQT	6.900	0,0023%/VĐL	
5	Lý Thanh Châu	Thành viên HĐQT	5.200	0,0017%/VĐL	
6	Đình Công Hoàng	Thành viên HĐQT	0	0% VĐL	Từ nhiệm từ ngày 10/06/2019
7	Nguyễn Văn Thiển	Thành viên HĐQT	1.500.000	0,5%/VĐL	
8	Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	0	0% VĐL	
9	Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	0	0% VĐL	

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Trong năm, HĐQT đã thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT và phân công các thành viên HĐQT phụ trách các tiểu ban như: tiểu ban chiến lược và phát triển, tiểu ban nhân sự và lương thưởng, tiểu ban kiểm toán nội bộ. Do Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần chỉ mới 02 tháng là tháng 11 và tháng 12 năm 2018. Các tiểu ban được thành lập trong tháng 11/2018, nên trong năm 2018 các tiểu ban tập trung xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019 và trình HĐQT phê duyệt.



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Trong năm 2018, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	01	50%	Bận công tác, có thư uỷ quyền	
2	Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT	02	100%		
3	Huỳnh Thanh Hải	Thành viên HĐQT	02	100%		Từ nhiệm từ ngày 10/06/2019
4	Trần Nguyên Vũ	Thành viên HĐQT	02	100%		
5	Lý Thanh Châu	Thành viên HĐQT	02	100%		
6	Đình Công Hoàng	Thành viên HĐQT	02	100%		Từ nhiệm từ ngày 10/06/2019
7	Nguyễn Văn Thiển	Thành viên HĐQT	02	100%		
8	Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	02	100%		
9	Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT	02	100%		

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 02 phiên họp theo định kỳ và quyết định các nội dung như sau:

Phiên họp lần 1 năm 2018 vào ngày 26/10/2018 (nhiệm kỳ 2018 - 2022) thông qua các nội dung như sau:

- HĐQT thống nhất bầu Ông Nguyễn Văn Minh làm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty, nhiệm kỳ 2018 – 2022;
- HĐQT thống nhất bổ nhiệm Ông Trần Nguyên Vũ làm Tổng giám đốc Tổng công ty, nhiệm kỳ 2018 – 2022;

Phiên họp lần 2 năm 2018 vào ngày 15/11/2018 (nhiệm kỳ 2018 – 2022) thông qua các nội dung sau:

- Thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT và phân công các thành viên HĐQT phụ trách các tiểu ban như: tiểu ban chiến lược và phát triển, tiểu ban nhân sự và lương thưởng, tiểu ban kiểm toán nội bộ;
- HĐQT quyết định bổ nhiệm nhân sự quản lý Tổng công ty: bao gồm Phó TGD, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc HC-NS, Giám đốc đầu tư và phát triển dự án của Tổng công ty;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính của Tổng công ty;
- Thông qua chủ trương đầu tư: mua không quá 20% vốn của Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành (chủ đầu tư Sân Golf Harmonie);
- Phê duyệt mẫu dấu, logo, bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty;
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018 và năm 2019 của Tổng công ty;
- Thống nhất việc thay đổi người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 15/07/2019)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thế Sự	Trưởng BKS	6.700	0,0022%/VĐL
2	Phan Ngọc Hanh	Thành viên BKS	0	0% VĐL
3	Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên BKS	0	0% VĐL

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

- Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của công ty.
- Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế 02 tháng cuối năm 2018 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất “Công ty cổ phần”. Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.
- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ của HĐQT để triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT; theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo, văn bản gửi cho HĐQT.
- HĐQT cũng chỉ đạo, đôn đốc Thư ký HĐQT công bố các thông tin đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.
- Trong công tác quan hệ cổ đông, HĐQT phân công thành viên đảm trách việc liên hệ với cổ đông và thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Tổng công ty đến với các cổ đông qua báo chí, website công ty; công bố thông tin, gửi email, điện thoại....
- Tất cả các thành viên HĐQT, Ban điều hành Tổng công ty đều có kinh nghiệm và đã tham gia khoá đào tạo về quản trị công ty, tuân thủ đầy đủ cả quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.
- Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Lương/Thù lao	Thưởng	Vay của Công ty	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	0	0	0	Không trả thù lao vì 2 tháng cuối năm 2018 bị lỗ (*)
2	Ban kiểm soát	0	0	0	Không trả thù lao vì 2 tháng cuối năm 2018 bị lỗ (*)
3	Ban điều hành	19.048.038	0	596.097.801	Tạm ứng

(*) Do kết quả SXKD năm 2018 của Tổng công ty bị lỗ và không đạt được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao theo nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 26/10/2018 nên HĐQT Tổng công ty quyết định không trích và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty cho năm 2018

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018



Số: 2609/19.003 /BTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP được lập ngày 15 tháng 07 năm 2019, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 42 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần để mua lại tương ứng 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành với giá mua được căn cứ giá trị tài sản thuần xác định theo chứng thư thẩm định giá. Bảng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá sự phù hợp của giao dịch này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các nội dung:

- Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 42 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về các nghiệp vụ nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, theo nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 15/11/2018 về nhận chuyển nhượng thành công 4% vốn điều lệ từ Công ty Cổ phần Hưng Vượng có sự tham gia của hai thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời cũng là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hưng Vượng là bên liên quan. Mặc dù vậy, Hội đồng quản trị đã biểu quyết lại để thông qua việc nhận chuyển nhượng nêu trên trong đó hai thành viên là bên có liên quan không tham gia quyền biểu quyết theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 10/06/2019.
- Thông tin về khoản nợ tiềm tàng đang được Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 43 của bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018 là kỳ kế toán đầu tiên sau khi Tổng Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan chủ quản là Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU
BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã
Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến
31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/11/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.053.659.138.447	1.977.370.010.982
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	275.373.548.384	496.168.339.742
111	1. Tiền		100.373.548.384	141.168.339.742
112	2. Các khoản tương đương tiền		175.000.000.000	355.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	4.000.000.000	4.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.000.000.000	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.007.654.703.262	748.489.124.356
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	93.433.926.405	97.261.664.370
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	448.590.790.715	46.227.500.375
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	147.045.223.048	285.426.169.018
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	332.627.879.760	319.573.790.593
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.177.880.491)	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	09	134.763.825	-
140	IV. Hàng tồn kho	11	758.374.160.685	722.221.954.683
141	1. Hàng tồn kho		758.374.160.685	722.221.954.683
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.256.726.116	6.490.592.201
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	7.011.878.186	6.147.630.146
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.135.768.742	9.737.549
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	109.079.188	333.224.506
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.621.664.201.056	3.444.316.896.945
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		650.002.221.629	684.265.133.441
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	337.240.081.143	337.240.081.143
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	06	14.748.000.000	14.748.000.000
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	07	9.896.049.652	9.896.049.652
216	4. Phải thu dài hạn khác	08	288.118.090.834	322.381.002.646
220	II. Tài sản cố định		1.017.322.502.293	1.025.546.635.858
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	463.484.881.765	467.998.765.500
222	- Nguyên giá		932.960.107.471	930.708.794.490
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(469.475.225.706)	(462.710.028.990)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	553.837.620.528	557.547.870.358
228	- Nguyên giá		585.728.892.140	585.495.052.278
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.891.271.612)	(27.947.181.920)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	89.428.959.320	89.469.772.048
231	- Nguyên giá		91.619.797.031	91.619.797.031
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.190.837.711)	(2.150.024.983)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	87.161.844.318	87.459.880.574
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		87.161.844.318	87.459.880.574
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.417.692.951.666	1.189.984.723.483
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.417.187.951.666	1.189.479.723.483
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		505.000.000	505.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		360.055.721.830	367.590.751.541
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	227.197.488.328	231.964.638.174
269	2. Lợi thế thương mại	17	132.858.233.502	135.626.113.367
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.675.323.339.503	5.421.686.907.927

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/11/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.646.231.703.394	2.381.144.302.322
310	I. Nợ ngắn hạn		2.522.102.760.948	2.257.904.245.361
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	19.950.147.389	10.329.450.471
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	164.330.375.976	121.986.634.351
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	85.123.065.931	100.952.509.836
314	4. Phải trả người lao động		20.030.964.677	13.219.789.422
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	213.376.422.326	199.280.358.642
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		8.047.600.589	10.955.262.157
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	1.155.263.484.591	1.158.185.690.690
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	848.800.000.000	636.996.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.180.699.469	5.998.549.792
330	II. Nợ dài hạn		124.128.942.446	123.240.056.961
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		23.121.183.831	23.509.253.602
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	64.415.569.829	63.787.202.864
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	37	35.911.188.786	35.262.600.495
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	24	681.000.000	681.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.029.091.636.109	3.040.542.605.605
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	3.029.091.636.109	3.040.542.605.605
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(96.606.721.889)	(96.606.721.889)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26	27.642.585.587	35.498.681.536
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.232.060.595	12.232.060.595
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.276.359.673	71.242.619.014
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		69.023.810.681	65.483.422.423
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(1.747.451.008)	5.759.196.591
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		18.547.352.143	18.175.966.349
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.675.323.339.503	5.421.686.907.927

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Người lập

Đỗ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Thúy

Tổng Giám đốc

Trần Nguyên Vũ



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	181.400.595.431	2.471.513.640.828
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29	373.492.868	1.592.942.084
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		181.027.102.563	2.469.920.698.744
11	4. Giá vốn hàng bán	30	166.068.907.598	1.379.914.580.743
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.958.194.965	1.090.006.118.001
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	11.616.672.499	22.965.524.104
22	7. Chi phí tài chính	32	9.289.173.452	46.475.322.325
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.341.388.461	46.402.141.393
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		54.395.070.508	272.031.390.977
25	9. Chi phí bán hàng		6.141.367.155	116.281.182.546
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	39.781.936.296	125.887.453.120
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.757.461.069	1.096.359.075.091
31	12. Thu nhập khác	34	766.254.993	14.160.177.556
32	13. Chi phí khác	35	525.592.122	3.622.364.560
40	14. Lợi nhuận khác		240.662.871	10.537.812.996
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.998.123.940	1.106.896.888.087
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36	731.862.538	133.248.004.380
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	37	648.588.291	(1.770.953.802)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.617.673.111	975.419.837.509
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		24.246.287.317	971.675.384.485
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		371.385.794	3.744.453.024
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	38	81	

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Người lập

Đỗ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Thúy

Tổng Giám đốc

Trần Nguyên Vũ



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận
An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến
31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/11/2018	Từ ngày 01/01/2018
			đến ngày 31/12/2018	đến ngày 31/10/2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		25.998.123.940	1.106.896.888.087
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.375.321.508	23.451.681.196
03	Các khoản dự phòng		14.177.880.491	(14.462.391.737)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		918.609.720	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(56.192.627.042)	(279.832.494.962)
06	Chi phí lãi vay		8.341.388.461	46.402.141.393
10	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.618.697.078	882.455.823.977
11	Tăng, giảm các khoản phải thu		(373.197.023.675)	(291.645.942.402)
12	Tăng, giảm hàng tồn kho		(36.152.206.002)	423.244.117.424
13	Tăng, giảm các khoản phải trả		39.513.350.057	(892.705.079.651)
14	Tăng, giảm chi phí trả trước		3.902.901.806	(157.078.993.580)
16	Tiền lãi vay đã trả		(5.882.719.953)	(47.676.928.658)
17	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(391.249)	(80.583.506.444)
19	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(957.858.656)	(50.003.429.796)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(368.155.250.594)	(213.993.939.130)
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.211.883.775)	(27.584.898.342)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	145.140.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.000.000.000)	(189.393.541.182)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		147.380.945.970	9.793.636.638
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(203.015.040.000)	(80.000.005.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.405.260.900	19.992.334.331
28	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(64.440.716.905)	(261.547.333.555)

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận
An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến
31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/11/2018	Từ ngày 01/01/2018
			đến ngày 31/12/2018	đến ngày 31/10/2018
			VND	VND
29	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	680.106.065.017
31	2. Tiền thu từ đi vay		697.040.000.000	585.862.300.000
32	3. Tiền trả nợ gốc vay		(485.236.000.000)	(785.936.870.332)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		211.804.000.000	480.031.494.685
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(220.791.967.499)	4.490.222.000
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		496.168.339.742	491.647.733.371
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.823.859)	30.384.371
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	275.373.548.384	496.168.339.742

Người lập

Đỗ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Thúy

Tổng Giám đốc



Trần Nguyên Vũ

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND Tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.000.000.000.000 VND tương đương với 300.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ sân golf và hạ tầng khu công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất gạch chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Hoạt động y tế khác;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị và các loại sản phẩm từ nguyên liệu kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận
- Kinh doanh vật tư, dụng cụ y tế. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Kinh doanh sân golf, khách sạn và các dịch vụ du lịch giải trí;
- Chế tạo, lắp ráp các khung nhà, xưởng bằng kim loại;
- Mua bán các loại máy móc, vật tư, thiết bị, cơ khí điện lạnh và các nguyên liệu về kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc thiết bị;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Khai thác gỗ ...

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Theo Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương về việc bán cổ phần lần 2 và điều chỉnh phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên, Công ty Cổ phần mới có số vốn điều lệ là 3.000 tỷ VND tương đương 300.000.000 cổ phần, cơ cấu vốn điều lệ như sau:

- Cổ đông Nhà nước sẽ nắm giữ 182.927.400 cổ phần tương đương 60,98% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 272.600 cổ phần tương đương 0,09% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 87.000.000 cổ phần tương đương 29% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán đấu giá công khai là 29.800.000 cổ phần tương đương 9,93% vốn điều lệ.

Ngày 28/03/2018, Tổng Công ty đã thực hiện đấu giá chào bán cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số cổ phần bán được là 30.000.000 cổ phần tương ứng với giá trị 524.209.200.000 đồng.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp cơ điện lạnh 3/2	Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh nước đá

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Sản xuất hàng sợi, vải, may mặc
2	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ giấy
3	Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	Tỉnh Bình Dương	62,68%	62,68%	Kinh doanh thương mại
4	Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ Golf
5	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**Báo cáo tài chính hợp nhất**

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

Tổng Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	43,40%	40,00%	Trồng, khai thác, chế biến mủ cao su
2	Công ty CP phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
3	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh sữa và nước giải khát
4	Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	27,52%	24,00%	Dịch vụ y tế
5	Công ty CP Hưng Vượng	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm từ gỗ, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
6	Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh dịch vụ Logistic
7	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	44,51%	34,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
8	Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018 là kỳ kế toán đầu tiên Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**Báo cáo tài chính hợp nhất**

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất	44 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 về hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

2.23 . Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.24 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.25 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.26 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018.

2.28 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.29 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
Tiền mặt	8.816.571.422	6.296.357.560
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	91.538.136.593	134.803.424.806
Tiền đang chuyển	18.840.369	68.557.376
Các khoản tương đương tiền	175.000.000.000	355.000.000.000
	275.373.548.384	496.168.339.742

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 175 tỷ đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4% - 5,5%/năm. Trong đó, các khoản tương đương tiền có giá trị 120.000.000.000 đồng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Tân Bình (xem chi tiết tại Thuyết minh 18).

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Box - Pak	-	-	7.728.207.850	-
- Công ty CP Thái Bình Dương Xanh	-	-	5.427.783.460	-
- Công ty TNHH Đông Tuấn Việt Nam	14.218.363.618	-	14.028.565.282	-
- Các khoản phải thu khác	79.215.562.787	(1.643.850.000)	70.077.107.778	-
	93.433.926.405	(1.643.850.000)	97.261.664.370	-
b) Dài hạn				
- Công ty TNHH Phát Triển ^(*)	67.727.400.000	-	67.727.400.000	-
- Công ty CP An Bình	65.000.000.000	-	65.000.000.000	-
- Công ty CP Bất Động Sản U&I	204.512.681.143	-	204.512.681.143	-
	337.240.081.143	-	337.240.081.143	-
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	67.727.400.000	-	67.727.400.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 46)

^(*) Khoản phải thu dài hạn khách hàng là cổ đông góp vốn của Tổng Công ty liên quan đến các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Thời hạn thu hồi của các khoản phải thu này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Ông Đặng Công Thanh ^(*)	400.000.000.000	-	-	-
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh Bình Dương ^(**)	37.061.011.021	-	37.061.011.021	-
- Các khách hàng khác	11.529.779.694	(315.000.000)	9.166.489.354	-
	448.590.790.715	(315.000.000)	46.227.500.375	-
b) Dài hạn				
Ông Bùi Thanh Hải ^(***)	14.748.000.000	-	14.748.000.000	-
	14.748.000.000	-	14.748.000.000	-

^(*) Khoản trả trước cho Ông Đặng Công Thanh để nhận chuyển nhượng 7.200.000 cổ phần, tương ứng 15% tổng số cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 26/11/2018. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.

^(**) Khoản tạm ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh Bình Dương để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình Cụm công nghiệp An Điền, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng số 24/2017/HĐ-BTGPMB ngày 13/11/2017.

^(***) Khoản ứng trước cho Ông Bùi Thanh Hải theo hợp đồng cung cấp cây cảnh và dịch vụ chăm sóc ngày 01/08/2017.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty CP Hưng Vượng	-	-	120.000.000.000	-
- Công ty CP May mặc Bình Dương	-	-	27.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Tân Thành ⁽¹⁾	107.347.102.061	-	98.347.102.061	-
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE ⁽²⁾	17.026.469.968	-	17.107.415.938	-
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào ⁽³⁾	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Công ty Điện lực Bình Dương ⁽⁴⁾	9.145.999.999	-	9.145.999.999	-
- Đối tượng khác	525.651.020	-	825.651.020	-
	147.045.223.048	-	285.426.169.018	-
b) Dài hạn				
- Công ty CP Du lịch D&M ⁽⁵⁾	9.896.049.652	-	9.896.049.652	-
	9.896.049.652	-	9.896.049.652	-
c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan	137.373.572.029	-	275.454.517.999	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 46)

⁽¹⁾ Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm các hợp đồng chi tiết sau:

(1.1) Hợp đồng vay vốn ngày 08/01/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 01/01/2018, với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2018 là 25.847.102.061 VND.

(1.2) Hợp đồng vay vốn số 2017/HĐVV ngày 30/11/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 01/09/2018, với các điều khoản như

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2018 là 81.500.000.000 VND.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

(2) Biên bản thỏa thuận ngày 25/10/2015 với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 0%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng và tự động gia hạn với thời hạn tương đương khi đáo hạn;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2018 là 17.026.469.968 VND.

(3) Hợp đồng vay vốn số 001/2018/HĐVV ngày 04/05/2018 và hợp đồng vay vốn số 002/2018/HĐVV ngày 11/06/2018, với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 4,8%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày giải ngân;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2018 là 13.000.000.000 VND.

(4) Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản ứng vốn cho Công ty Điện lực Bình Dương ("BDC") về việc xây dựng hệ thống lưới điện 22 KV tại Khu Công nghiệp An Tây theo hợp đồng số 80/HĐ-PCBD ký ngày 10 tháng 2 năm 2012, số 328/HĐ-PCBD ký ngày 6 tháng 7 năm 2016 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó, việc ứng vốn sẽ không chịu lãi suất với số tiền ứng vốn lần lượt là 5.000.000.000 đồng, 750.000.000 đồng và 3.396.000.000 đồng. Công ty cấp khoản ứng vốn này cho BDC nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống lưới điện, nhờ đó thu hút thêm khách hàng thuê đất tại Khu Công nghiệp. Số tiền này sẽ được thanh toán dần dựa trên doanh thu mà BDC có được từ việc cung cấp điện.

(5) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Du lịch D&M về cho vay triển khai các thủ tục ban đầu của dự án khu du lịch tại Mũi Né, tỉnh Bình Thuận do Công ty Cổ phần Du lịch D&M làm chủ đầu tư với lãi suất 0%/năm, hình thức đảm bảo là tín chấp.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	4.087.245.620	-	1.546.109.154	-
- Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Châu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư	6.600.000.000	(6.600.000.000)	6.600.000.000	-
- Phải thu Ông Huỳnh Văn Nghi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	-
- Phải thu lãi cho vay	10.239.259.526	-	9.079.084.027	-
- Phải thu về tạm ứng ⁽¹⁾	214.693.423.962	(3.631.479.471)	209.298.172.769	-
- Các khoản thế chấp, ký quỹ	236.729.085	-	223.729.085	-
- Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	160.000.000	-	-	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	93.708.144.000	-	90.000.000.000	-
- Phải thu khác	1.703.077.567	(261.900.000)	1.626.695.558	-
	332.627.879.760	(11.693.379.471)	319.573.790.593	-

PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
- Phải thu Công ty CP Hưng Vượng ⁽²⁾	286.527.528.834	-	320.790.440.646	-
- Ông Trương Hồng Phong ⁽³⁾	793.562.000	-	793.562.000	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược	797.000.000	-	797.000.000	-
	288.118.090.834	-	322.381.002.646	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	296.732.773.287	-	328.910.888.981	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 46)

(1) Trong số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2018 bao gồm khoản tạm ứng của nhân viên Nguyễn Ngọc Loan tiền công tác, phí văn phòng và chi phí của các dự án số tiền 201.586.868.230 VND (số dư tại ngày 01/01/2018 là 172.679.711.285 VND).

(2) Đây là khoản Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng theo hai hợp đồng đảm bảo giá trị ngoại tệ tương lai số 01/2011/PRO-PJ ngày 06/06/2011 và số 02/2011/PRO-PJ ngày 20/09/2011. Theo hai hợp đồng này, Tổng Công ty căn cứ vào tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM cho từng lần chuyển tiền sẽ chuyển cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng tiền VND với tổng giá trị tương ứng 13.880.000,00 USD và Công ty Cổ phần Hưng Vượng sẽ đảm bảo trả lại toàn bộ số USD này cũng theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM tại từng thời điểm chuyển tiền ngay khi đến hạn vào năm 2020 theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 03/11/2015. Số dư phải thu tại thời điểm 31/12/2018 là 286.527.528.834 đồng tương đương với số dư nguyên tệ là 12.355.650,23 USD.

(3) Khoản phải thu về ứng trước tiền đền bù đất đang chờ hồ sơ quyết toán thuộc dự án Khu dân cư Gò Chai.

9 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
- Hàng tồn kho	134.763.825	-
	134.763.825	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Ông Phan Thanh Nam	1.643.850.000	1.643.850.000	1.643.850.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Minh Châu	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	-
+ Đối tượng khác	9.870.081.257	5.934.030.491	10.796.143.257	-
	18.113.931.257	14.177.880.491	19.039.993.257	-

Tại thời điểm 01/11/2018, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ xấu theo quy định về việc xử lý tài chính để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.133.549.765	-	27.911.244.609	-
Công cụ, dụng cụ	2.079.714.871	-	2.386.375.602	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^(*)	520.600.375.673	-	498.482.662.115	-
Thành phẩm	9.974.647.935	-	1.985.824.992	-
Hàng hoá	199.585.872.441	-	191.455.847.365	-
	758.374.160.685	-	722.221.954.683	-

^(*) Khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí đầu tư bất động sản giữ để bán tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade, chi tiết như sau:

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
- Bất động sản giữ để bán - Giai đoạn I và II	149.552.386.929	149.552.386.929
- Bất động sản giữ để bán - Giai đoạn III và IV	115.353.840.426	115.353.840.426
- Bất động sản giữ để bán - Giai đoạn V và VI	255.694.148.318	233.576.434.760
	520.600.375.673	498.482.662.115

Trong đó, chi tiết các chi phí phát triển dự án như sau:

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan	253.452.795.685	258.869.042.073
- Chi phí xây dựng	224.187.858.407	196.874.850.540
- Chi phí thiết kế và phát triển kết cấu hạ tầng	27.550.815.652	27.337.179.287
- Chi phí lãi vay vốn hóa	12.831.678.480	12.831.678.480
- Chi phí quản lý dự án	2.577.227.449	2.569.911.735
	520.600.375.673	498.482.662.115

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
- Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây ⁽¹⁾	64.341.166.871	64.334.566.316
- Đầu tư xây dựng Sân Golf Sông Bé	4.600.970.885	4.905.607.697
- Cụm Công nghiệp An Điền ⁽²⁾	2.473.429.879	2.473.429.879
- Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương ⁽³⁾	8.460.000.000	8.460.000.000
- Các công trình khác	7.286.276.682	7.286.276.682
	87.161.844.318	87.459.880.574

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

- (1) Tên dự án: Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
 - Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
 - Mục tiêu: Đầu tư khu tái định cư;
 - Tổng vốn đầu tư: ;
 - Quy mô: 8,8 ha;
 - Tình trạng dự án: Tổng Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất cho dự án, hiện tại đang thực hiện các thủ tục pháp lý để tách sổ và bàn giao đất cho từng hộ dân trong khu tái định cư, dự kiến hoàn thành trong năm 2020. Chi phí phát sinh lũy kế đến thời điểm 31/12/2018 là các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng của dự án.
- (2) Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Điền;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
 - Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
 - Mục tiêu: Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp An Điền;
 - Tổng vốn đầu tư: 194.330.575.584 VND;
 - Quy mô: 7,9 ha;
 - Tình trạng dự án: Tổng Công ty đang tiếp tục thực hiện xây dựng hạng tầng kỹ thuật;
 - Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến hoàn thành vào năm 2020.
- (3) Tên dự án: Mua đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
 - Địa điểm: xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;
 - Mục tiêu: Nằm giữ chờ tăng giá;
 - Quy mô: 564 m²;
 - Tình trạng dự án: Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để được cấp quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/1/2018 đến 31/12/2018

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu kỳ	739.361.402.157	103.113.884.111	68.753.591.979	1.350.955.999	18.128.960.244	930.708.794.490					
- Mua trong kỳ	-	1.177.584.158	-	-	182.000.000	1.359.584.158					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.511.224.755	-	-	-	-	1.511.224.755					
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(66.527.560)	(22.563.290)	(3.713.000)	(1.866.605)	(30.621.440)	(125.291.895)					
- Kết chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(35.348.128)	(458.855.909)	-	-	(494.204.037)					
- Phân loại lại	226.573.600	-	-	-	(226.573.600)	-					
Số dư cuối kỳ	741.032.672.952	104.233.556.851	68.291.023.070	1.349.089.394	18.053.765.204	932.960.107.471					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu kỳ	354.115.972.610	59.210.298.576	32.809.283.072	1.031.184.832	15.543.289.880	462.710.028.990					
- Khấu hao trong kỳ	4.306.127.301	1.271.015.711	1.596.143.024	60.760.026	136.769.691	7.370.815.753					
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(52.650.665)	(22.563.290)	(3.713.000)	(1.866.605)	(30.621.440)	(111.415.000)					
- Kết chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(35.348.128)	(458.855.909)	-	-	(494.204.037)					
- Phân loại lại	72.129.840	-	-	-	(72.129.840)	-					
Số dư cuối kỳ	358.441.579.086	60.423.402.869	33.942.857.187	1.090.078.273	15.577.308.291	469.475.225.706					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu kỳ	385.245.429.547	43.903.585.535	35.944.308.907	319.771.147	2.585.670.364	467.998.765.500					
Tại ngày cuối kỳ	382.591.093.866	43.810.153.982	34.348.165.883	259.011.121	2.476.456.913	463.484.881.765					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.429.229.968 VND.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/1/2018 đến 31/12/2018

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm kế toán		Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	582.543.293.131	2.951.759.147	585.495.052.278		
- Mua trong kỳ	-	341.074.862	341.074.862		
- Giám khác	-	(78.800.000)	(78.800.000)		
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(28.435.000)	-	(28.435.000)		
Số dư cuối kỳ	582.514.858.131	3.214.034.009	585.728.892.140		
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	25.961.029.096	1.986.152.824	27.947.181.920		
- Khấu hao trong kỳ	3.925.861.143	37.831.884	3.963.693.027		
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(19.603.335)	-	(19.603.335)		
Số dư cuối kỳ	29.867.286.904	2.023.984.708	31.891.271.612		
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	556.582.264.035	965.606.323	557.547.870.358		
Tại ngày cuối kỳ	552.647.571.227	1.190.049.301	553.837.620.528		

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Số dư tại ngày 31/12/2018 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:
- 1.1 Hợp đồng tín dụng số 23/2018/4486227/HDTĐ ngày 30/11/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 129.760.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 với giá trị tài sản đảm bảo là 929.451.000.000 đồng;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 129.760.000.000 đồng.
- 1.2 Hợp đồng tín dụng số 24/2018/4486227/HDTĐ ngày 30/11/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 80.240.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 với giá trị tài sản đảm bảo là 929.451.000.000 đồng;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 80.240.000.000 đồng.
- 1.3 Hợp đồng tín dụng số 25/2018/4486227/HDTĐ ngày 04/12/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 78.340.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8,9%/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 với giá trị tài sản đảm bảo là 929.451.000.000 đồng;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/10/2018 là 78.340.000.000 đồng.
- 1.4 Hợp đồng tín dụng số 26/2018/4486227/HDTĐ ngày 04/12/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 62.500.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8,9%/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 với giá trị tài sản đảm bảo là 929.451.000.000 đồng;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 62.500.000.000 đồng.



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

- 1.5 Hợp đồng tín dụng số 27/2018/4486227/HDTĐ ngày 7/12/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 70.360.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8,9 %/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 với giá trị tài sản đảm bảo là 929.451.000.000 đồng;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 70.360.000.000 đồng.
- 1.6 Hợp đồng tín dụng số 28/2018/4486227/HDTĐ ngày 07/12/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 29.640.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8,9%/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 với giá trị tài sản đảm bảo là 929.451.000.000 đồng;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 29.640.000.000 đồng.
- 1.7 Hợp đồng tín dụng số 29/2018/4486227/HDTĐ ngày 30/11/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8,9 %/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 với giá trị tài sản đảm bảo là 929.451.000.000 đồng;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 60.000.000.000 đồng.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn 9 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Bình Dương.
- (3) Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng bảo đảm tiền vay số 320-50/2018/VAB/HĐTD ngày 25/12/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu kinh doanh và nhu cầu vốn lưu động;
 - Thời hạn cho vay: Từ 26/12/2018 đến ngày 11/01/2019;
 - Lãi suất cho vay: 7,2%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm vay: Cầm cố hợp đồng tiền gửi số 11122018/HĐTG/VAB-BD với số tiền gửi gốc: 120.000.000.000 VND;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018: 120.000.000.000 đồng.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

- (4) Hợp đồng vay vốn số 02-HĐ/VV ngày 06/04/2011, Hợp đồng vay vốn số 03-HĐ/VV ngày 24/08/2011 và Hợp đồng vay vốn số 10-HĐ/VV ngày 03/10/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- Tổng số tiền vay: 75.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn cho vay: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 7%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018: 75.000.000.000 đồng.

Thông tin bổ sung khoản vay dài hạn

- (5) Hợp đồng tín dụng đầu tư phát triển số 08/2016/HĐTD-TDH ngày 18/11/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: thanh toán tiền nhận chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Ascendas - Protrade;
 - Thời hạn cho vay: 36 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 7%/năm;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản bao gồm:
 - + Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Ascendas Protrade của Công ty TNHH Ascendas - Protrade với tổng giá trị là 750.000.000.000 đồng;
 - + Nguồn thu từ cho thuê đất khu công nghiệp của Công ty TNHH Ascendas - Protrade với tổng giá trị là 600.000.000.000 đồng;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 120.000.000.000 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là 120.000.000.000 đồng.

19 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công Ty TNHH MTV Đầu Tư và Quản Lý Dự án Bình Dương	2.454.789.996	2.454.789.996	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	17.495.357.393	17.495.357.393	10.329.450.471	10.329.450.471
	19.950.147.389	19.950.147.389	10.329.450.471	10.329.450.471
b) Phải trả các bên liên quan	2.667.687.682	2.667.687.682	231.187.449	231.187.449

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 46)

20 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành Phố Thủ Dầu Một ^(*)	4.923.810.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Lễ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH Mocal Creative	65.439.449.187	65.439.449.187
- Công ty TNHH Koan Hao (Việt Nam)	28.883.280.888	28.883.280.888
- Công ty TNHH Ching Feng Việt Nam	39.133.455.258	-
- Các khách hàng khác	15.950.380.643	17.663.904.276
	164.330.375.976	121.986.634.351

(*) Khoản trả trước tiền bồi thường do thu hồi đất để thực hiện dự án Trường tiểu học Phú Lợi 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một theo Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

21 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	16.080.762.394	13.451.193.336	28.340.518.080	43.980.355	1.235.418.005	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.596.827.090	3.597.005.196	4.267.787.921	-	1.926.044.365	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	65.919.607.300	731.862.538	391.249	-	66.651.078.589	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	247.847	2.468.896.205	2.086.239.267	1.877.608.274	-	2.677.279.351	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	152.399.840	90.096.800	42.443.280	-	200.053.360	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	332.976.659	1.670.100.609	337.998.542	1.370.809.200	65.098.833	369.412.125	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	12.063.916.398	119.743.528	119.879.790	-	12.063.780.136	-	-	-	-
	333.224.506	100.952.509.836	20.414.139.207	36.019.437.794	109.079.188	85.123.065.931				

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

22 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	2.351.307.398	782.222.223
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán (*)	125.432.958.852	125.432.958.852
- Chi phí trích trước giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	81.101.965.469	65.732.279.667
- Chi phí thuê đất	-	1.859.690.147
- Chi phí hoa hồng môi giới	-	43.922.604
- Thưởng và lương tháng 13	1.688.666.667	2.173.080.000
- Chi phí phải trả khác	2.801.523.940	3.256.205.149
	213.376.422.326	199.280.358.642

(*) Đây là các khoản trích trước chi phí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng tại dự án Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương lũy kế từ trước giai đoạn cổ phần hóa. Trong giai đoạn cổ phần hóa, Tổng Công ty đã bàn giao Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương với diện tích lần lượt là 1.723.267,4 ha và 1.888.953,2 ha cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương tiếp tục quản lý và khai thác dự án theo chủ trương của Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị chi phí trích trước còn lại tại thời điểm 31/12/2018 tương ứng với khối lượng còn lại Tổng Công ty phải thực hiện.

23 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.756.289.936	2.530.890.834
- Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	53.455.353.339	56.702.239.120
- Lợi nhuận phải trả Tỉnh ủy Bình Dương	991.999.197.764	991.999.197.764
- Phải trả về cổ phần hóa	14.013.716.459	14.010.278.875
- Phải trả tiền lãi vay	1.861.110.374	971.527.041
- Phải nộp 10% Ngân sách Đảng	91.182.771.193	91.182.771.193
- Phải trả khác	995.045.526	788.785.863
	1.155.263.484.591	1.158.185.690.690
b) Dài hạn		
- Nhận trước tiền đất tái định cư của các hộ dân thuộc khu tái định cư An Tây	56.666.666.667	56.666.666.667
- Các khoản nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	7.378.303.059	7.120.536.197
	64.415.569.829	63.787.202.864
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 46)	1.084.153.495.998	1.084.153.495.998

24 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	681.000.000	681.000.000
	681.000.000	681.000.000

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	3.000.000.000.000	-	-	-	-	3.000.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	18.175.966.349	18.175.966.349
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	371.385.794	371.385.794
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	3.000.000.000.000	(96.606.721.889)	27.642.585.587	12.232.060.595	67.276.359.673	3.029.091.636.109

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	%	VND	%	VND
- Cổ đông Nhà nước	60,98	1.829.274.000.000	60,98	1.829.274.000.000
- Công ty Cổ Phần Sam Holdings	8,00	240.000.000.000	8,00	240.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư U&I	6,00	180.000.000.000	6,00	180.000.000.000
- Công ty TNHH Phát Triển	15,00	450.000.000.000	15,00	450.000.000.000
- Cổ đông khác	10,02	300.726.000.000	10,02	300.726.000.000
	100,00	3.000.000.000.000	100,00	3.000.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	3.000.000.000.000	1.350.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	2.197.259.635.900
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	(547.259.635.900)
- Vốn góp cuối kỳ	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	1.083.181.968.957	690.863.107.861
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	1.360.926.054.079
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	1.360.926.054.079
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	968.607.192.983
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	968.607.192.983
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	1.083.181.968.957	1.083.181.968.957

d) Các quỹ của Tổng công ty

	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.232.060.595	12.232.060.595
	12.232.060.595	12.232.060.595

26 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.498.681.536	73.137.901.788
Số tăng trong kỳ	-	(37.639.220.252)
- Do chuyển đổi báo cáo tài chính	(806.451.975)	847.125.832
- Hợp nhất kinh doanh	-	(45.535.990.058)
- Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cổ phần hóa	(7.049.643.974)	7.049.643.974
Số dư cuối kỳ	27.642.585.587	35.498.681.536

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

27 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số A128, đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích làm văn phòng Tổng Công ty và xí nghiệp. Diện tích khu đất thuê là 24.813,44 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của hợp đồng thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/11/2018
- Đô la Mỹ (USD)	24.721,42	24.721,42

28 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	135.508.814.287	695.183.931.689
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.183.416.851	29.041.032.756
Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	9.307.446.400	1.142.110.947.802
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	489.034.695.147
Doanh thu từ dịch vụ sân golf	28.853.735.285	112.067.943.210
Doanh thu khác	547.182.608	4.075.090.224
	181.400.595.431	2.471.513.640.828
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)	-	1.250.000.000

29 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	373.492.868	1.592.942.084
	373.492.868	1.592.942.084

30 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	127.372.066.250	627.551.494.584
Giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	7.060.856.157	570.934.208.569
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.572.909.039	27.813.696.186
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	68.026.442.580
Giá vốn kinh doanh dịch vụ sân golf	27.063.076.152	85.588.738.824
	166.068.907.598	1.379.914.580.743

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.565.436.399	21.067.748.122
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.715.254.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.051.236.100	58.084.136
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	124.437.846
	11.616.672.499	22.965.524.104

32 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.341.388.461	46.402.141.393
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	29.175.271	12.979.111
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	918.609.720	-
Chi phí tài chính khác	-	60.201.821
	9.289.173.452	46.475.322.325

33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	405.755.418	3.078.322.632
Chi phí nhân công	9.676.240.866	43.797.610.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	966.655.170	4.217.631.963
Thuế, phí, lệ phí	50.739.600	14.866.171.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.090.054.801	27.403.223.538
Chi phí khác bằng tiền	3.646.730.085	18.685.094.350
Dự phòng phải thu khó đòi	14.177.880.491	-
Lợi thế thương mại phân bổ	2.767.879.865	13.839.399.323
	39.781.936.296	125.887.453.120

34 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	145.140.000
Thu nhập từ xử lý tài sản thừa do kiểm kê	241.490.503	456.439.641
Thu nhập từ thương, chiết khấu bán hàng	493.718.602	7.525.749.022
Hoàn nhập Quỹ trợ cấp mất việc làm	-	5.415.164.317
Thu nhập khác	31.045.888	617.684.576
	766.254.993	14.160.177.556

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị
xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

35 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Lỗ thuần từ thanh lý tài sản	-	1.287.638.814
Chi phí tiền thuê đất	26.792.181	1.344.017.019
Các khoản phạt	322.338.632	931.253.671
Chi phí khác	176.461.309	59.455.056
	525.592.122	3.622.364.560

36 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	-	89.819.421.421
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	731.862.538	43.428.582.959
Chi phí thuế TNDN hiện hành	731.862.538	133.248.004.380

37 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	35.911.188.786	35.262.600.495

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	648.588.291	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(1.770.953.802)
	648.588.291	(1.770.953.802)

38 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	24.246.287.317
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	24.246.287.317
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	81

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

39 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	36.925.093.211	166.430.330.992
Chi phí nhân công	27.396.720.848	115.480.828.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.375.321.508	23.451.681.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.595.996.133	166.782.741.871
Chi phí khác bằng tiền	26.655.350.185	615.975.562.934
Chi phí giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	68.026.442.580
	117.948.481.885	1.156.147.588.053

40 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2018		01/11/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	275.373.548.384	-	496.168.339.742	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.051.419.978.142	(13.862.880.491)	1.076.456.538.752	-
Các khoản cho vay	156.941.272.700	-	295.322.218.670	-
	1.483.734.799.226	(13.862.880.491)	1.867.947.097.164	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2018	01/11/2018
	VND	VND
Vay và nợ	848.800.000.000	636.996.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.239.629.201.809	1.232.302.344.025
Chi phí phải trả	213.376.422.326	199.280.358.642
	2.301.805.624.135	2.068.578.702.667

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	275.373.548.384	-	-	275.373.548.384
Phải thu khách hàng, phải thu khác	412.198.925.674	625.358.171.977	-	1.037.557.097.651
Các khoản cho vay	147.045.223.048	9.896.049.652	-	156.941.272.700
	834.617.697.106	635.254.221.629	-	1.469.871.918.735

Tại ngày 01/11/2018

Tiền và các khoản tương đương tiền	496.168.339.742	-	-	496.168.339.742
Phải thu khách hàng, phải thu khác	416.835.454.963	659.621.083.789	-	1.076.456.538.752
Các khoản cho vay	285.426.169.018	9.896.049.652	-	295.322.218.670
	1.198.429.963.723	669.517.133.441	-	1.867.947.097.164

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	848.800.000.000	-	-	848.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.175.213.631.980	64.415.569.829	-	1.239.629.201.809
Chi phí phải trả	213.376.422.326	-	-	213.376.422.326
	2.237.390.054.306	64.415.569.829	-	2.301.805.624.135
Tại ngày 01/11/2018				
Vay và nợ	636.996.000.000	-	-	636.996.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.168.515.141.161	63.787.202.864	-	1.232.302.344.025
Chi phí phải trả	199.280.358.642	-	-	199.280.358.642
	2.004.791.499.803	63.787.202.864	-	2.068.578.702.667

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/1/2018 đến 31/12/2018

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

41 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	697.040.000.000	585.862.300.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	485.236.000.000	785.936.870.332

42 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2018, Đại hội cổ đông Tổng Công ty đã quyết nghị thông qua việc mua lại 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành qua đó nâng tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tại Công ty này từ 30% lên 49%.

Ngày 15/11/2018, Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT về phê duyệt chủ trương mua không quá 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành với đơn giá mua tối đa là 119.678,4 đồng/cổ phần. Đơn giá mua căn cứ vào giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành tại thời điểm mua. Giá trị tài sản thuần được xác định trên cơ sở định giá lại giá trị tài sản gồm Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành tại ngày 08/10/2018 theo Chứng thư thẩm định giá số SG0051018CT ngày 10/11/2018 của Công ty TNHH Thẩm Định Giá Hoàng Quân. Tổng giá trị định giá là 5.744.563.000.000 đồng theo phương pháp so sánh và phương pháp chi phí.

Việc tái cơ cấu khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty thực hiện thông qua các nghiệp vụ như sau:

- Nhận chuyển nhượng 1.920.000 cổ phần, tương ứng 4% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành từ Công ty Cổ phần Hưng Vượng, một công ty liên kết của Tổng Công ty, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/PJ-PT ngày 26/11/2018 với giá nhận chuyển nhượng là 105.737 đồng/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 203.015.040.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2018, các bên đã hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu số lượng cổ phần nêu trên cho Tổng Công ty. (xem thêm tại thuyết minh số 04)
- Nhận chuyển nhượng 7.200.000 cổ phần, tương ứng 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành từ Ông Đặng Công Thanh theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 26/11/2018 với giá nhận chuyển nhượng là 105.737 đồng/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 761.306.400.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty đã ứng trước cho Ông Đặng Công Thanh theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng với số tiền là 400 tỷ đồng (xem thêm tại thuyết minh số 06). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc chuyển nhượng quyền sở hữu số lượng cổ phần nêu trên cho Tổng công ty chưa hoàn thành và Tổng Công ty đang thu xếp vốn để thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng.

Việc nhận chuyển nhượng 4% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành từ Công ty Cổ phần Hưng Vượng nêu trên được các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết với 9/9 thành viên tán thành tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 15/11/2018 trong đó có hai thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Ông Nguyễn Văn Minh và Ông Võ Hồng Cường đồng thời cũng là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hưng Vượng. Do đó theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 10/06/2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã biểu quyết lại với 6/7 thành viên tán thành (tỷ lệ 85,71%), trong đó Ông Nguyễn Văn Minh và Ông Võ Hồng Cường không tham gia biểu quyết.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/1/2018 đến 31/12/2018

43 . NỢ TIỀM TÀNG

Theo báo cáo kiểm toán về việc quản lý và sử dụng đất đô thị trên địa bàn Tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016 ngày 15/08/2017 của Kiểm toán Nhà Nước khu vực IV. Đối với dự án Khu liên hợp dịch vụ của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV được giao đất trong giai đoạn 2012 - 2013, Kiểm toán Nhà Nước xác định nghĩa vụ tài chính Tổng Công ty phải nộp bổ sung là 409.467.405.383 đồng, trong đó 200.977.025.683 đồng là tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung do Kiểm toán Nhà Nước xác định lại đơn giá thu tiền sử dụng đất và 208.490.379.700 đồng là tiền phạt chậm nộp. Hiện tại Tổng Công ty chưa thống nhất với kết luận của Kiểm toán Nhà Nước và đã có văn bản gửi cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương đề nghị xem xét. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương đang trong quá trình xem xét hồ sơ và chưa có văn bản trả lời chính thức về nội dung nêu trên.

44 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

45 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh thương mại		Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	135.135.321.419	16.490.863.251	29.400.917.893	181.027.102.563	-	-	-	181.027.102.563	-	-	-	181.027.102.563
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.763.255.169	4.857.098.055	2.337.841.741	14.958.194.965	-	-	-	14.958.194.965	-	-	-	14.958.194.965
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	3.211.883.775	3.211.883.775	-	-	-	3.211.883.775	-	-	-	3.211.883.775
Tài sản bộ phận	3.568.447.990.993	1.108.412.545.861	998.462.802.649	5.675.323.339.503	-	-	-	5.675.323.339.503	-	-	-	5.675.323.339.503
Tổng tài sản	3.568.447.990.993	1.108.412.545.861	998.462.802.649	5.675.323.339.503	-	-	-	5.675.323.339.503	-	-	-	5.675.323.339.503
Nợ phải trả của các bộ phận	2.076.280.437.573	486.189.253.862	47.850.823.173	2.610.320.514.608	-	-	-	2.610.320.514.608	-	-	-	2.610.320.514.608
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	35.911.188.786	-	-	-	35.911.188.786	-	-	-	35.911.188.786
Tổng nợ phải trả	2.076.280.437.573	486.189.253.862	47.850.823.173	2.646.231.703.394	-	-	-	2.646.231.703.394	-	-	-	2.646.231.703.394

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu tại Việt Nam, doanh thu của Tổng Công ty tại Vương quốc Campuchia chiếm tỷ trọng thấp. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được đã trình bày tại thuyết minh số 28 và 30. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

46 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:
Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ ngày 01/11/2018	Từ ngày 01/01/2018
		đến ngày 31/12/2018	đến ngày 31/10/2018
		VND	VND
Góp vốn vào công ty		203.015.040.000	80.000.000.000
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	-	80.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	203.015.040.000	-
Nhận cổ tức		3.708.144.000	361.943.510.000
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	-	332.400.000.000
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	3.708.144.000	6.025.734.000
- Công ty CP Cơ khí vận tải Dầu Tiếng	Đơn vị nhận đầu tư	-	50.500.000
- Công ty CP May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	23.467.276.000
Doanh thu bán hàng		-	1.250.000.000
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	-	1.250.000.000
Chi phí đi vay		7.550.405.251	12.065.682.292
- Công ty CP May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	971.527.041
- Tỉnh ủy Bình Dương	Cổ đông Nhà Nước	889.583.333	4.433.333.333
Lãi cho vay		2.404.816.050	7.440.315.319
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	920.547.945	973.150.685
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	1.379.983.173	6.177.718.059
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	104.284.932	289.446.575
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	Mối quan hệ	31/12/2018	01/11/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		67.727.400.000	67.727.400.000
- Công Ty TNHH Phát Triển	Cổ đông góp vốn	67.727.400.000	67.727.400.000
Phải thu về cho vay		137.373.572.029	275.454.517.999
- Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Công ty liên kết	107.347.102.061	98.347.102.061
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	17.026.469.968	17.107.415.938
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	-	120.000.000.000
- Công ty CP May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	27.000.000.000
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	13.000.000.000	13.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		10.205.244.453	8.120.448.335
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	4.207.111.119	2.827.127.946
- Công ty CP May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	7.101.370	7.101.370
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	5.991.031.964	5.286.219.019
Phải thu dài hạn khác		286.527.528.834	320.790.440.646
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	286.527.528.834	320.790.440.646
Phải trả người bán		2.667.687.682	231.187.449
- Công Ty TNHH MTV Đầu Tư và Quản Lý Dự án Bình Dương	Cổ đông Nhà Nước	2.454.789.996	-
- Công ty CP phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	212.897.686	231.187.449
Phải trả khác ngắn hạn		1.084.153.495.998	1.084.153.495.998
- Tỉnh ủy Bình Dương	Cổ đông Nhà Nước	1.083.181.968.957	1.083.181.968.957
- Công ty CP May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	971.527.041	971.527.041

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018

Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ, một công ty liên kết của Tổng Công ty, sử dụng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 560847 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/03/2011 với diện tích 377.630,9 m² để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012. (thông tin chi tiết tại thuyết minh số 18)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, một công ty liên kết của Tổng Công ty, sử dụng tài sản của mình là các Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 594927, BO 594924, BO 594926, BO 594925 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/08/2013 với tổng diện tích 844.955,8 m² để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017. (thông tin chi tiết tại thuyết minh số 18)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Từ ngày 01/11/2018
đến ngày 31/12/2018
VND

- Thu nhập của Tổng Giám đốc 200.000.000
- Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị -

47 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2018 là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu kỳ này. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan chủ quản là Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

Một số chỉ tiêu được trình bày và phân loại phù hợp với số liệu so sánh kỳ này cụ thể:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo tài chính kỳ trước
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	97.261.664.370	434.501.745.513
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	337.240.081.143	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	46.227.500.375	60.975.500.375
Trả trước cho người bán dài hạn	212	14.748.000.000	-

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Người lập 
Đỗ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng 
Đỗ Thị Thanh Thúy

Tổng Giám đốc 
Trần Nguyên Vũ



Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2019

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CTCP
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN NGUYỄN VŨ

LIÊN HỆ



Địa chỉ : A128 Đường 3-2, KP Đông Tứ, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương.



Điện thoại: 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342
Fax: 0274. 3755040



Email: protradecorp@hcm.vnn.vn
Website: www.protrade.com.vn